# HIỆP ĐỊNH

# GIỮA

# CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

# VÀ

# CHÍNH QUYỀN KHU HÀNH CHÍNH ĐẶC BIỆT MACAO

# CỦA NƯỚC CỘNG HOÀ NHÂN DÂN TRUNG HOA

# VỀ

# TRÁNH ĐÁNH THUẾ HAI LẦN

# VÀ

# NGĂN NGỪA VIỆC TRỐN LẬU THUẾ

# ĐỐI VỚI CÁC LOẠI THUẾ ĐÁNH VÀO THU NHẬP

**Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính quyền Khu Hành chính đặc biệt Macao của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa,**

Mong muốn ký kết một Hiệp định về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và thúc đẩy hợp tác kinh tế,

Đã thoả thuận như sau:

## ĐIỀU 1
## PHẠM VI ÁP DỤNG

Hiệp định này áp dụng đối với các đối tượng là những đối tượng cư trú của một hoặc của cả hai Bên ký kết.

## ĐIỀU 2

## CÁC LOẠI THUẾ BAO GỒM TRONG HIỆP ĐỊNH

1. Hiệp định này áp dụng đối với các loại thuế do một Bên ký kết hoặc chính quyền địa phương của Bên đó đánh vào thu nhập, bất kể hình thức áp dụng của các loại thuế đó như thế nào.

2. Tất cả các loại thuế thu trên tổng thu nhập, hoặc những phần của thu nhập, bao gồm các loại thuế đối với thu nhập từ việc chuyển nhượng động sản hoặc bất động sản, các loại thuế đánh trên tổng số tiền lương hoặc tiền công do doanh nghiệp trả, cũng như các loại thuế đánh trên giá trị tài sản tăng thêm đều được coi là thuế đánh vào thu nhập.

3. Các loại thuế hiện hành được áp dụng trong Hiệp định này cụ thể là:

   (a) tại Việt Nam:

   (i) thuế Thu nhập cá nhân; và

   (ii) thuế Thu nhập doanh nghiệp;

   (sau đây được gọi là "thuế Việt Nam"); và

   (b) tại Macao:

   (i) thuế Phụ thu;

   (ii) thuế Ngành nghề; và

   (iii) thuế Tài sản;

   (sau đây được gọi là "thuế Macao").

4. Hiệp định này cũng sẽ được áp dụng đối với các loại thuế có tính chất tương tự hoặc về cơ bản giống như các loại thuế trên được ban hành sau ngày ký Hiệp định này để bổ sung, hoặc thay thế các loại thuế hiện hành. Các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Bên ký kết sẽ thông báo cho nhau biết những thay đổi quan trọng trong các luật thuế của từng Bên.

## ĐIỀU 3
## CÁC ĐỊNH NGHĨA CHUNG

1. Trong Hiệp định này, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác:

(a) thuật ngữ "Việt Nam" có nghĩa là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; khi dùng theo nghĩa địa lý, thuật ngữ này có nghĩa là lãnh thổ đất liền, các hải đảo, nội thuỷ, lãnh hải và vùng trời phía trên đó, vùng biển ngoài lãnh hải, bao gồm cả đáy biển và lòng đất dưới đáy biển mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán phù hợp với pháp luật quốc gia và luật pháp quốc tế;

(b) thuật ngữ "Macao" có nghĩa là Khu Hành chính đặc biệt Macao của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, khi dùng theo nghĩa địa lý là bán đảo Macao và các đảo Taipa và Coloane;

(c) thuật ngữ "Bên ký kết" và "Bên ký kết kia" có nghĩa là Việt Nam hoặc Macao tuỳ ngữ cảnh đòi hỏi;

(d) thuật ngữ "đối tượng" bao gồm một cá nhân, một công ty và bất kỳ tổ chức nào khác của nhiều đối tượng;

(e) thuật ngữ "công ty" có nghĩa là bất kỳ tổ chức công ty hoặc bất kỳ một thực thể nào được coi là một tổ chức công ty cho các mục đích thuế;

(f) thuật ngữ "doanh nghiệp của một Bên ký kết" và "doanh nghiệp của Bên ký kết kia" theo thứ tự có nghĩa là một doanh nghiệp được điều hành bởi một đối tượng cư trú của một Bên ký kết và một doanh nghiệp được điều hành bởi một đối tượng cư trú của Bên ký kết kia;

(g) thuật ngữ "đối tượng mang quốc tịch Việt Nam" có nghĩa là:

(i) bất kỳ cá nhân nào mang quốc tịch Việt Nam; và

(ii) bất kỳ pháp nhân, công ty hợp danh và hiệp hội nào có tư cách theo các luật có hiệu lực tại Việt Nam;

(h) thuật ngữ "nhà chức trách có thẩm quyền" có nghĩa là:

(i) trong trường hợp của Việt Nam, là Bộ trưởng Bộ Tài chính của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc người đại diện được uỷ quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính; và

(ii) trong trường hợp của Macao, là Trưởng Khu Hành chính đặc biệt Macao của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, hoặc người đại diện được uỷ quyền của Trưởng Khu Hành chính đặc biệt Macao;

(i) thuật ngữ "vận tải quốc tế" có nghĩa là bất kỳ sự vận chuyển nào bằng tàu thuỷ hoặc máy bay được thực hiện bởi một doanh nghiệp là đối tượng cư trú của một Bên ký kết, trừ trường hợp khi chiếc tàu thuỷ hoặc máy bay đó chỉ hoạt động giữa các địa điểm trong Bên ký kết kia.

2. Khi một Bên ký kết áp dụng Hiệp định này vào bất kỳ thời điểm nào, bất kỳ thuật ngữ nào chưa được định nghĩa tại Hiệp định này sẽ có nghĩa theo như định nghĩa tại luật của Bên đó đối với các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng vào thời điểm đó, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác, bất kỳ nghĩa nào theo các luật thuế được áp dụng của Bên đó sẽ có giá trị cao hơn nghĩa của thuật ngữ đó theo các luật khác của Bên đó.

## ĐIỀU 4
## ĐỐI TƯỢNG CƯ TRÚ

1. Trong Hiệp định này, thuật ngữ "đối tượng cư trú của một Bên ký kết" có nghĩa là bất kỳ đối tượng nào, mà theo các luật của Bên đó, là đối tượng chịu thuế căn cứ vào nhà ở, nơi cư trú, trụ sở đăng ký, trụ sở thành lập, trụ sở điều hành, hoặc bất kỳ tiêu thức nào khác có tính chất tương tự. Tuy nhiên, thuật ngữ này không bao gồm bất kỳ đối tượng nào là đối tượng chịu thuế tại Bên đó chỉ đối với thu nhập từ các nguồn tại Bên đó.

2. Trường hợp theo các quy định tại khoản 1 mà một cá nhân là đối tượng cư trú của cả hai Bên ký kết, thì thân phận của cá nhân đó sẽ được xác định như sau:

   (a) cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Bên mà tại đó cá nhân đó có nhà ở thường trú; nếu cá nhân đó có nhà ở thường trú ở cả hai Bên, cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Bên mà cá nhân đó có các quan hệ cá nhân và kinh tế chặt chẽ hơn (trung tâm của các quyền lợi chủ yếu);

   (b) nếu không thể xác định được Bên mà ở đó cá nhân đó có trung tâm của các quyền lợi chủ yếu, hoặc nếu cá nhân đó không có nhà ở thường trú ở cả hai Bên, thì cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Bên mà cá nhân đó thường sống;

   (c) nếu cá nhân đó thường xuyên sống ở cả hai Bên hoặc không thường xuyên sống ở Bên nào, thì các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Bên ký kết sẽ giải quyết vấn đề đó bằng thoả thuận song phương.

3. Trường hợp do các quy định tại khoản 1 mà một đối tượng không phải là cá nhân là đối tượng cư trú của cả hai Bên ký kết, khi đó đối tượng này sẽ được coi là đối tượng cư trú của một Bên ký kết theo quy định của Hiệp định này bằng thoả thuận song phương.

## ĐIỀU 5
## CƠ SỞ THƯỜNG TRÚ

1. Trong Hiệp định này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" có nghĩa là một địa điểm kinh doanh cố định mà qua đó doanh nghiệp thực hiện toàn bộ hoặc một phần hoạt động kinh doanh của mình.

2. Thuật ngữ "cơ sở thường trú" chủ yếu bao gồm:

   (a) trụ sở điều hành;

   (b) chi nhánh;

   (c) văn phòng;

   (d) nhà máy;

   (e) xưởng;

   (f) kho hàng, liên quan đến một đối tượng cung cấp các phương tiện lưu kho cho các đối tượng khác;

   (g) mỏ, giếng dầu hoặc khí, mỏ đá hoặc bất kỳ địa điểm khai thác tài nguyên thiên nhiên nào khác; và

   (h) cấu trúc lắp đặt, hoặc thiết bị được sử dụng để thăm dò và khai thác các nguồn tài nguyên thiên thiên.

3. Thuật ngữ "cơ sở thường trú" cũng bao gồm:

   (a) một địa điểm xây dựng, dự án xây dựng, lắp ráp hoặc lắp đặt hoặc các hoạt động giám sát liên quan, nhưng chỉ khi địa điểm, dự án hoặc các hoạt động này kéo dài hơn sáu tháng;

   (b) việc cung cấp các dịch vụ, bao gồm cả dịch vụ tư vấn do một doanh nghiệp của một Bên ký kết thực hiện thông qua những người làm công hoặc những đối tượng khác được doanh nghiệp giao thực hiện các hoạt động trên, nhưng chỉ khi các hoạt động mang tính chất nêu trên kéo dài (trong cùng một dự án hoặc một dự án có liên quan) tại một Bên ký kết trong một giai đoạn hoặc nhiều giai đoạn gộp lại hơn 183 ngày trong bất kỳ giai đoạn 12 tháng.

4. Mặc dù có những quy định trên của Điều này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" sẽ được coi là không bao gồm:

   (a) việc sử dụng các phương tiện chỉ với mục đích lưu kho hoặc trưng bày hàng hoá hoặc tài sản của doanh nghiệp;

   (b) việc duy trì kho hàng hoá hoặc tài sản của doanh nghiệp chỉ với mục đích lưu kho hoặc trưng bày;

   (c) việc duy trì kho hàng hoá hoặc tài sản của doanh nghiệp chỉ với mục đích để cho doanh nghiệp khác gia công;



Lai

(d) việc duy trì một địa điểm kinh doanh cố định chỉ với mục đích mua hàng hoá hoặc tài sản hoặc để thu thập thông tin cho doanh nghiệp;

(e) việc duy trì một địa điểm kinh doanh cố định chỉ với mục đích tiến hành bất kỳ hoạt động nào khác mang tính chất chuẩn bị hoặc phụ trợ cho doanh nghiệp;

(f) việc duy trì một địa điểm kinh doanh cố định chỉ cho bất kỳ sự kết hợp nào các hoạt động nêu tại các điểm từ (a) đến (e), với điều kiện hoạt động nói chung của địa điểm kinh doanh cố định phát sinh từ sự kết hợp này có tính chất chuẩn bị hoặc phụ trợ.

5. Mặc dù đã có những quy định tại các khoản 1 và 2, trường hợp một đối tượng - trừ đại lý có tư cách độc lập được điều chỉnh bởi khoản 6 - hoạt động tại một Bên ký kết thay mặt cho một doanh nghiệp của Bên ký kết kia, doanh nghiệp đó sẽ được coi là có cơ sở thường trú tại Bên ký kết thứ nhất đối với bất kỳ hoạt động nào mà đối tượng trên thực hiện cho doanh nghiệp, nếu đối tượng đó:

(a) có và thường xuyên thực hiện tại Bên kia thẩm quyền ký kết các hợp đồng đứng tên của doanh nghiệp đó, trừ khi các hoạt động của đối tượng đó được giới hạn trong phạm vi các hoạt động nêu tại khoản 4 mà những hoạt động đó nếu được thực hiện thông qua một địa điểm kinh doanh cố định thì sẽ không làm cho địa điểm kinh doanh cố định đó trở thành một cơ sở thường trú theo những quy định tại khoản đó; hoặc

(b) không có thẩm quyền trên, nhưng thường xuyên duy trì tại Bên thứ nhất một kho hàng hoá hoặc tài sản, qua đó đối tượng này thường xuyên thực hiện giao hàng hoá hoặc tài sản thay mặt cho doanh nghiệp.

6. Một doanh nghiệp của một Bên ký kết sẽ không được coi là có một cơ sở thường trú tại Bên ký kết kia chỉ vì doanh nghiệp đó thực hiện hoạt động kinh doanh tại Bên ký kết kia thông qua một đại lý môi giới, một đại lý hoa hồng nói chung hoặc bất kỳ một đại lý nào khác có tư cách độc lập, với điều kiện các đối tượng này hoạt động trong khuôn khổ kinh doanh thông thường của họ. Tuy nhiên, khi các hoạt động của đại lý đó dành toàn bộ hoặc hầu như toàn bộ đại diện cho doanh nghiệp đó, và các điều kiện được đưa ra hoặc áp đặt giữa doanh nghiệp và đại lý trong các quan hệ tài chính và thương mại của họ khác với các điều kiện được tạo ra giữa các doanh nghiệp độc lập, đại lý đó sẽ không được coi như một đại lý có tư cách độc lập trong phạm vi ý nghĩa của khoản này.

7. Việc một công ty là đối tượng cư trú của một Bên ký kết kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát bởi một công ty là đối tượng cư trú của Bên ký kết kia, hoặc tiến hành hoạt động kinh doanh tại Bên ký kết kia (có thể thông qua một cơ sở thường trú hoặc dưới hình thức khác), sẽ không làm cho bất kỳ công ty nào trở thành cơ sở thường trú của công ty kia.

## ĐIỀU 6
## THU NHẬP TỪ BẤT ĐỘNG SẢN

1. Thu nhập do một đối tượng cư trú của một Bên ký kết thu được từ bất động sản (kể cả thu nhập từ nông nghiệp hoặc lâm nghiệp) có tại Bên ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Bên ký kết kia.

2. Thuật ngữ "bất động sản" sẽ có nghĩa theo như luật pháp của Bên ký kết nơi có bất động sản đó. Thuật ngữ này trong mọi trường hợp sẽ bao gồm cả những phần tài sản phụ kèm theo bất động sản, đàn gia súc và thiết bị sử dụng trong nông nghiệp và lâm nghiệp, các quyền được áp dụng theo như các quy định tại luật chung về điền sản, quyền sử dụng bất động sản và các quyền được hưởng các khoản thanh toán cố định hoặc không cố định trả cho việc khai thác hoặc quyền khai thác các mỏ, nguồn khoáng sản và các tài nguyên thiên nhiên khác; các tàu thuỷ, thuyền và máy bay sẽ không được coi là bất động sản.

3. Các quy định tại khoản 1 sẽ áp dụng đối với thu nhập phát sinh từ việc trực tiếp sử dụng, cho thuê, hoặc sử dụng dưới bất kỳ hình thức nào khác của bất động sản.

4. Những quy định tại các khoản 1 và 3 cũng sẽ áp dụng đối với thu nhập từ bất động sản của một doanh nghiệp và thu nhập từ bất động sản được sử dụng để thực hiện các dịch vụ cá nhân độc lập.

## ĐIỀU 7
## LỢI NHUẬN KINH DOANH

1. Lợi nhuận của một doanh nghiệp của một Bên ký kết sẽ chỉ bị đánh thuế tại Bên đó, trừ trường hợp doanh nghiệp đó tiến hành hoạt động kinh doanh tại Bên ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Bên ký kết kia. Nếu doanh nghiệp tiến hành hoạt động kinh doanh theo cách trên, thì các khoản lợi nhuận của doanh nghiệp có thể bị đánh thuế tại Bên ký kết kia nhưng chỉ trên phần lợi nhuận phân bổ cho:

   (a) cơ sở thường trú đó;

   (b) việc bán tại Bên ký kết kia những hàng hoá hoặc tài sản cùng loại hoặc tương tự như những hàng hoá hoặc tài sản bán qua cơ sở thường trú đó; hoặc

   (c) các hoạt động kinh doanh khác được thực hiện tại Bên ký kết kia cùng loại hoặc tương tự với những hoạt động được thực hiện thông qua cơ sở thường trú đó;

   với điều kiện các điểm (b) hoặc (c) sẽ không áp dụng nếu một doanh nghiệp có khả năng chứng minh rằng việc bán hàng hoá hoặc các hoạt động kinh doanh được thực hiện với các lý do không phải để đạt được các lợi ích của hiệp định.

2. Thể theo các quy định tại khoản 3, khi một doanh nghiệp của một Bên ký kết tiến hành hoạt động kinh doanh tại Bên ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Bên ký kết kia, thì tại mỗi Bên ký kết sẽ có những khoản lợi nhuận được phân bổ cho cơ sở thường trú nói trên mà cơ sở thường trú đó có thể thu được nếu nó là một doanh nghiệp riêng và tách biệt cùng tham gia vào các hoạt động như nhau hoặc tương tự trong cùng các điều kiện như nhau hoặc tương tự và có quan hệ hoàn toàn độc lập với doanh nghiệp mà cơ sở đó được coi là cơ sở thường trú.

3. Trong khi xác định lợi nhuận của một cơ sở thường trú, cơ sở này sẽ được phép tính vào các khoản chi phí được trừ các khoản chi phí phát sinh phục vụ cho mục đích kinh doanh của cơ sở thường trú này, bao gồm cả chi phí điều hành và chi phí quản lý chung cho dù chi phí đó phát sinh tại Bên nơi cơ sở thường trú đó đóng hoặc ở bất kỳ nơi nào khác. Tuy nhiên, sẽ không cho phép tính vào các khoản chi phí được trừ bất kỳ khoản tiền nào, nếu có, do cơ sở thường trú trả cho (trừ khi là khoản thanh toán các chi phí thực tế) trụ sở chính của doanh nghiệp hoặc bất kỳ văn phòng nào khác của doanh nghiệp dưới hình thức tiền bản quyền, các khoản phí hoặc bất kỳ khoản thanh toán tương tự nào khác để được phép sử dụng sáng chế hoặc các quyền khác, hoặc dưới hình thức tiền hoa hồng trả cho việc thực hiện các dịch vụ riêng biệt hoặc trả cho công việc quản lý, hoặc dưới hình thức lãi tính trên tiền cho cơ sở thường trú vay, trừ trường hợp tiền lãi của tổ chức ngân hàng. Tương tự



Dai

như vậy, khi xác định lợi nhuận của cơ sở thường trú sẽ không tính đến các khoản tiền (trừ các khoản tiền thanh toán các chi phí thực tế) do cơ sở thường trú thu từ trụ sở chính của doanh nghiệp hoặc bất kỳ văn phòng nào khác của doanh nghiệp, dưới hình thức tiền bản quyền, các khoản phí hoặc các khoản thanh toán tương tự để cho phép sử dụng sáng chế hoặc các quyền khác, hoặc dưới hình thức tiền hoa hồng trả cho việc thực hiện các dịch vụ riêng biệt hoặc trả cho công việc quản lý, hoặc dưới hình thức lãi tính trên tiền cho trụ sở chính của doanh nghiệp hoặc bất kỳ văn phòng nào của doanh nghiệp vay, trừ trường hợp lãi từ tiền cho vay của tổ chức ngân hàng.

4. Trường hợp tại một Bên ký kết vẫn thường xác định các khoản lợi nhuận phân bổ cho một cơ sở thường trú trên cơ sở phân chia tổng lợi nhuận của doanh nghiệp thành các phần khác nhau, không có nội dung nào tại khoản 2 ngăn cản Bên ký kết đó xác định lợi nhuận chịu thuế theo cách phân chia theo thông lệ đó; tuy nhiên, phương pháp phân chia được áp dụng như vậy phải đưa ra kết quả phù hợp với những nguyên tắc tại Điều này.

5. Vì mục đích của các khoản trên, các khoản lợi nhuận được phân bổ cho cơ sở thường trú sẽ được xác định theo cùng một phương pháp qua các năm, trừ khi có đủ lý do chính đáng để xác định theo phương pháp khác.

6. Khi lợi nhuận bao gồm các khoản thu nhập được đề cập riêng tại các Điều khác của Hiệp định này, thì những quy định của các Điều đó không bị ảnh hưởng bởi các quy định tại Điều này.

## ĐIỀU 8
## VẬN TẢI BIỂN VÀ VẬN TẢI HÀNG KHÔNG

1. Lợi nhuận của một doanh nghiệp là đối tượng cư trú của một Bên ký kết thu được từ hoạt động của các tàu thủy hoặc máy bay trong vận tải quốc tế sẽ chỉ bị đánh thuế tại Bên đó.
2. Những quy định tại khoản 1 cũng sẽ áp dụng cho các khoản lợi nhuận từ việc tham gia vào một tổ hợp, một liên doanh hoặc một hãng hoạt động quốc tế.

## ĐIỀU 9
## CÁC DOANH NGHIỆP LIÊN KẾT

1. Khi

   (a) một doanh nghiệp của một Bên ký kết tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc quản lý, kiểm soát hoặc góp vốn vào một doanh nghiệp của Bên ký kết kia, hoặc

   (b) các đối tượng cùng tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc quản lý, kiểm soát hoặc góp vốn vào một doanh nghiệp của một Bên ký kết và vào một doanh nghiệp của Bên ký kết kia,

   và trong cả hai trường hợp, trong mối quan hệ thương mại hoặc tài chính giữa hai doanh nghiệp trên có những điều kiện được xác lập hoặc áp đặt khác với điều kiện được đưa ra giữa các doanh nghiệp độc lập, lúc đó mọi khoản lợi nhuận mà một doanh nghiệp có thể thu được nếu không có các điều kiện trên, nhưng nay vì những điều kiện này mà doanh nghiệp đó không thu được, sẽ vẫn được tính vào các khoản lợi nhuận của doanh nghiệp đó và bị đánh thuế tương ứng.

2. Khi một Bên ký kết tính vào lợi nhuận của một doanh nghiệp tại Bên đó - và đánh thuế tương ứng - các khoản lợi nhuận mà một doanh nghiệp tại Bên ký kết kia đã bị đánh thuế ở Bên kia và những khoản lợi nhuận được tính vào như vậy là những khoản lợi nhuận lẽ ra thuộc về doanh nghiệp tại Bên thứ nhất nếu những điều kiện được đưa ra giữa hai doanh nghiệp trên là những điều kiện được đưa ra giữa các doanh nghiệp độc lập, khi đó Bên kia sẽ điều chỉnh các khoản thuế tại Bên mình đối với khoản lợi nhuận trên cho phù hợp. Khi xác định sự điều chỉnh này, các quy định khác của Hiệp định này sẽ được xem xét một cách thích hợp và các nhà chức trách có thẩm quyền của các Bên ký kết sẽ tham vấn lẫn nhau nếu cần thiết.

## ĐIỀU 10
## TIỀN LÃI CỔ PHẦN

1. Tiền lãi cổ phần do một công ty là đối tượng cư trú của một Bên ký kết trả cho một đối tượng cư trú của Bên ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Bên ký kết kia.

2. Tuy nhiên, các khoản tiền lãi cổ phần đó cũng có thể bị đánh thuế tại Bên ký kết nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú và theo luật pháp của Bên đó, nhưng nếu chủ sở hữu thực hưởng tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú của Bên ký kết kia thì thuế được tính khi đó sẽ không vượt quá 10 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần.

   Khoản này sẽ không ảnh hưởng đến việc đánh thuế công ty đối với lợi nhuận dùng để chia lãi cổ phần.

3. Thuật ngữ "tiền lãi cổ phần" được sử dụng trong Điều này có nghĩa là thu nhập từ cổ phần, cổ phần khai thác mỏ, cổ phần sáng lập hoặc các quyền khác, không phải các khoản nợ, được hưởng lợi nhuận, cũng như thu nhập từ các quyền lợi công ty khác cùng chịu sự điều chỉnh của chính sách thuế đối với thu nhập từ cổ phần theo luật pháp của Bên nơi công ty chia lãi cổ phần là đối tượng cư trú.

4. Những quy định tại các khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng nếu chủ sở hữu thực hưởng các khoản tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú của một Bên ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh tại Bên ký kết kia, nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Bên ký kết đó, hoặc tiến hành tại Bên ký kết đó các dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định nằm tại Bên đó, và việc nắm giữ mà theo đó các khoản tiền lãi cổ phần được trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó. Trong trường hợp như vậy, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tuỳ từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5. Khi một công ty là đối tượng cư trú của một Bên ký kết nhận được các khoản lợi nhuận hoặc thu nhập tại Bên ký kết kia, Bên ký kết kia có thể không đánh bất cứ khoản thuế nào đối với các khoản tiền lãi cổ phần do công ty này trả, trừ trường hợp các khoản tiền lãi cổ phần được trả cho một đối tượng cư trú của Bên ký kết kia hoặc trừ trường hợp việc nắm giữ cổ phần có các khoản tiền lãi cổ phần được trả có sự liên hệ thực tế với một cơ sở thường trú hoặc một cơ sở cố định nằm tại Bên ký kết kia, đồng thời Bên kia cũng không buộc các khoản lợi nhuận không chia của công ty trên phải chịu thuế đối với những khoản lợi nhuận không chia của công ty, cho dù các khoản tiền lãi cổ phần được chia hoặc các khoản lợi nhuận không chia bao gồm toàn bộ hoặc một phần các khoản lợi nhuận hoặc thu nhập phát sinh tại Bên ký kết kia.

## ĐIỀU 11
## LÃI TỪ TIỀN CHO VAY

1. Lãi từ tiền cho vay phát sinh tại một Bên ký kết và được trả cho một đối tượng cư trú của Bên ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Bên ký kết kia.

2. Tuy nhiên, khoản tiền lãi này cũng có thể bị đánh thuế tại Bên ký kết nơi lãi từ tiền cho vay phát sinh và theo luật pháp của Bên đó, nhưng nếu chủ sở hữu thực hưởng lãi từ tiền cho vay là đối tượng cư trú của Bên ký kết kia, thì mức thuế khi đó được tính sẽ không vượt quá 10 phần trăm tổng số khoản lãi từ tiền cho vay.

3. Mặc dù đã có các quy định tại khoản 2 của Điều này, lãi từ tiền cho vay phát sinh tại một Bên ký kết được miễn thuế tại Bên đó nếu khoản lãi này được nhận bởi Chính phủ Việt Nam hoặc Chính quyền Khu Hành chính đặc biệt Macao hoặc bất kỳ tổ chức nào hoàn toàn thuộc sở hữu của Chính phủ Việt Nam hoặc Chính quyền Khu Hành chính đặc biệt Macao và được thừa nhận bởi nhà chức trách có thẩm quyền của cả hai Bên.

4. Thuật ngữ "lãi từ tiền cho vay" được sử dụng tại Điều này có nghĩa là thu nhập từ các khoản cho vay dưới bất kỳ hình thức nào, có hoặc không được đảm bảo bằng thế chấp, và có hoặc không có quyền được hưởng lợi nhuận của người đi vay, và đặc biệt là khoản thu nhập từ chứng khoán của Chính phủ Việt Nam hoặc Chính quyền Khu Hành chính đặc biệt Macao và thu nhập từ trái phiếu hoặc trái phiếu công ty, bao gồm cả tiền thưởng và giải thưởng đi liền với các chứng khoán, trái phiếu hoặc trái phiếu công ty đó. Các khoản phạt trả chậm sẽ không được coi là lãi từ tiền cho vay vì mục đích của Điều này.

5. Những quy định tại các khoản 1, 2 và 3 sẽ không áp dụng nếu chủ sở hữu thực hưởng các khoản lãi từ tiền cho vay là đối tượng cư trú của một Bên ký kết tiến hành kinh doanh tại Bên ký kết kia nơi phát sinh các khoản lãi từ tiền cho vay, thông qua một cơ sở thường trú tại Bên ký kết kia, hoặc tiến hành tại Bên ký kết đó các dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định nằm tại Bên đó và khoản nợ có khoản lãi từ tiền cho vay được trả có sự liên hệ thực tế với (a) cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó, hoặc với (b) các hoạt động kinh doanh nêu tại điểm (c) khoản 1 Điều 7. Trong trường hợp này, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

6. Lãi từ tiền cho vay sẽ được coi là phát sinh tại một Bên ký kết khi người trả là Chính phủ Việt Nam hoặc Chính quyền Khu Hành chính đặc biệt Macao hoặc là một đối tượng cư trú của Bên đó. Tuy nhiên, khi đối tượng trả lãi từ tiền cho vay có ở một Bên ký kết một cơ sở thường trú hoặc một cơ sở cố định liên quan đến các khoản nợ đã phát sinh các khoản lãi từ tiền cho vay này, và khoản lãi từ tiền cho vay đó do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó chịu thì dù đối tượng có là đối tượng cư trú của một Bên ký kết hay không, khoản

lãi từ tiền cho vay này sẽ vẫn được coi là phát sinh tại Bên nơi có cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó.

7. Trường hợp do mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả và chủ sở hữu thực hưởng lãi hoặc giữa cả hai đối tượng trên và một đối tượng nào đó mà khoản lãi từ tiền cho vay được trả cho khoản nợ có liên quan vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng trả và chủ sở hữu thực hưởng khi không có mối quan hệ này, thì các quy định tại Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với các khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ đặc biệt trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo các luật của từng Bên ký kết có xem xét kỹ các quy định khác của Hiệp định này.

## ĐIỀU 12
## TIỀN BẢN QUYỀN

1. Tiền bản quyền phát sinh tại một Bên ký kết và được trả cho một đối tượng cư trú của Bên ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Bên ký kết kia.

2. Tuy nhiên, các khoản tiền bản quyền này cũng có thể bị đánh thuế tại Bên ký kết nơi khoản tiền bản quyền này phát sinh và theo luật pháp của Bên đó, nhưng nếu chủ sở hữu thực hưởng các khoản tiền bản quyền là đối tượng cư trú của Bên ký kết kia thì mức thuế được tính sẽ không vượt quá 10 phần trăm tổng số tiền bản quyền.

3. Thuật ngữ "tiền bản quyền" được sử dụng tại Điều này có nghĩa là các khoản thanh toán dưới bất kỳ hình thức nào được trả cho việc sử dụng, hoặc quyền sử dụng, bất kỳ bản quyền tác giả nào của một tác phẩm văn học, nghệ thuật hoặc khoa học, kể cả phim điện ảnh, hoặc các loại phim hoặc băng dùng cho phát thanh hoặc truyền hình, bất kỳ sáng chế, nhãn hiệu, thiết kế hoặc mẫu, đồ án, công thức hoặc quy trình bí mật, hoặc trả cho việc sử dụng, hoặc quyền sử dụng thiết bị công nghiệp, thương mại hoặc khoa học hoặc trả cho thông tin liên quan đến các kinh nghiệm công nghiệp, thương mại hoặc khoa học.

4. Những quy định tại các khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng nếu chủ sở hữu thực hưởng các khoản tiền bản quyền là đối tượng cư trú của một Bên ký kết tiến hành kinh doanh tại Bên ký kết kia nơi tiền bản quyền phát sinh, thông qua một cơ sở thường trú có tại Bên ký kết kia, hoặc tiến hành tại Bên ký kết đó các dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định nằm tại Bên đó, và quyền hoặc tài sản có các khoản tiền bản quyền được trả có sự liên hệ thực tế với (a) cơ sở thường trú hoặc với cơ sở cố định đó, hoặc với (b) các hoạt động kinh doanh nêu tại điểm (c) khoản 1 Điều 7. Trong trường hợp này, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5. Tiền bản quyền được coi là phát sinh tại một Bên ký kết khi người trả là Chính phủ Việt Nam hoặc Chính quyền Khu Hành chính đặc biệt Macao hoặc một đối tượng cư trú của Bên đó. Tuy nhiên, khi đối tượng trả tiền bản quyền, có ở một Bên ký kết một cơ sở thường trú hoặc một cơ sở cố định liên quan đến trách nhiệm trả tiền bản quyền đã phát sinh, và khoản tiền bản quyền đó do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó chịu thì dù đối tượng đó có là đối tượng cư trú của một Bên ký kết đó hay không, khoản tiền bản quyền này sẽ vẫn được coi là phát sinh tại Bên nơi có cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó.

6. Trường hợp do mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả và chủ sở hữu thực hưởng hoặc giữa cả hai đối tượng trên và một đối tượng nào đó, khoản tiền bản quyền được trả cho việc sử dụng, quyền hoặc thông tin vượt quá khoản tiền được thoả thuận giữa đối tượng trả và chủ sở hữu thực hưởng khi không có mối quan hệ đặc biệt này, thì khi đó các quy định tại Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với các khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ trên. Trong

trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo luật pháp của từng Bên ký kết có xem xét kỹ các quy định khác của Hiệp định này.

## ĐIỀU 13

## THU NHẬP TỪ CHUYỂN NHƯỢNG TÀI SẢN

1. Thu nhập thu được bởi một đối tượng cư trú của một Bên ký kết từ việc chuyển nhượng bất động sản nêu tại Điều 6 và nằm tại Bên ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Bên kia.

2. Thu nhập từ việc chuyển nhượng động sản tạo thành một phần tài sản kinh doanh của một cơ sở thường trú mà một doanh nghiệp của một Bên ký kết có tại Bên ký kết kia, hoặc của động sản gắn liền với một cơ sở cố định của một đối tượng cư trú của một Bên ký kết tại Bên ký kết kia cho mục đích tiến hành các dịch vụ cá nhân độc lập, kể cả thu nhập từ việc chuyển nhượng cơ sở thường trú này (một cách riêng rẽ hoặc cùng với toàn bộ doanh nghiệp) hoặc cơ sở cố định này có thể bị đánh thuế tại Bên kia.

3. Thu nhập do một doanh nghiệp là đối tượng cư trú của một Bên ký kết nhận được từ việc chuyển nhượng tàu thuỷ hoặc máy bay hoạt động trong vận tải quốc tế hoặc từ việc chuyển nhượng động sản gắn liền với hoạt động của các tàu thuỷ, máy bay đó, sẽ chỉ bị đánh thuế tại Bên ký kết đó.

4. Thu nhập thu được từ việc chuyển nhượng các cổ phần trong vốn cổ phần của một công ty, hoặc phần quyền lợi trong một công ty hợp danh, tín thác hoặc di sản, mà tài sản của các tổ chức này chủ yếu trực tiếp hoặc gián tiếp bao gồm bất động sản có tại một Bên ký kết, có thể bị đánh thuế tại Bên đó.

   Vì mục đích của khoản này, thuật ngữ "chủ yếu" có nghĩa là, liên quan đến quyền sở hữu bất động sản, giá trị của bất động sản vượt quá 50% tổng giá trị tài sản do công ty, công ty hợp danh, tín thác hoặc di sản đó sở hữu.

5. Thu nhập thu được từ việc chuyển nhượng các cổ phần không phải là các cổ phần được đề cập đến tại khoản 4, không ít hơn 15 phần trăm toàn bộ vốn cổ phần trong một công ty là đối tượng cư trú của một Bên ký kết có thể bị đánh thuế tại Bên ký kết đó.

6. Thu nhập thu được từ việc chuyển nhượng bất kỳ tài sản nào khác với những tài sản đã được nêu tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 sẽ chỉ bị đánh thuế tại Bên ký kết nơi đối tượng chuyển nhượng là đối tượng cư trú.

## ĐIỀU 14
## DỊCH VỤ CÁ NHÂN ĐỘC LẬP

1. Thu nhập do một cá nhân là đối tượng cư trú của một Bên ký kết thu được từ các dịch vụ ngành nghề hoặc các hoạt động khác có tính chất độc lập sẽ chỉ bị đánh thuế tại Bên đó trừ các trường hợp sau đây, khi đó những khoản thu nhập như vậy cũng có thể bị đánh thuế tại Bên ký kết kia:

   (a) Nếu đối tượng đó thường xuyên có tại Bên ký kết kia một cơ sở cố định để thực hiện các hoạt động của đối tượng đó; trong trường hợp đó, chỉ phần thu nhập phân bổ cho cơ sở cố định đó có thể bị đánh thuế tại Bên ký kết kia; hoặc

   (b) Nếu đối tượng đó có mặt tại Bên ký kết kia trong một khoảng thời gian hoặc nhiều khoảng thời gian gộp lại bằng hoặc vượt quá 183 ngày trong bất kỳ giai đoạn mười hai tháng nào bắt đầu hoặc kết thúc trong năm tài chính có liên quan; trong trường hợp đó, chỉ phần thu nhập phát sinh từ các hoạt động của đối tượng đó được thực hiện tại Bên ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Bên ký kết kia.

2. Thuật ngữ "dịch vụ ngành nghề" bao gồm chủ yếu những hoạt động khoa học, văn học, nghệ thuật, giáo dục hoặc giảng dạy mang tính chất độc lập cũng như các hoạt động độc lập của các thầy thuốc, luật sư, kỹ sư, kiến trúc sư, nha sĩ và kế toán viên.

## ĐIỀU 15

## DỊCH VỤ CÁ NHÂN PHỤ THUỘC

1. Thể theo những quy định tại các Điều 16, 18, 19 và 20, các khoản tiền lương, tiền công và các khoản tiền thù lao tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Bên ký kết thu được từ lao động làm công sẽ chỉ bị đánh thuế tại Bên đó, trừ khi lao động làm công đó được thực hiện tại Bên ký kết kia. Nếu lao động làm công được thực hiện như vậy, tiền công trả cho lao động đó có thể bị đánh thuế tại Bên ký kết kia.

2. Mặc dù có các quy định tại khoản 1, tiền công do một đối tượng cư trú của một Bên ký kết thu được từ lao động làm công tại Bên ký kết kia sẽ chỉ bị đánh thuế tại Bên thứ nhất nếu:

   (a) người nhận tiền công có mặt tại Bên ký kết kia trong một khoảng thời gian hoặc nhiều khoảng thời gian gộp lại không quá 183 ngày trong bất kỳ giai đoạn mười hai tháng nào bắt đầu hoặc kết thúc trong năm tài chính có liên quan; và

   (b) tiền công được trả bởi chủ lao động hay đối tượng đại diện chủ lao động không phải là đối tượng cư trú tại Bên kia; và

   (c) số tiền công không phải phát sinh tại một cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định mà chủ lao động có tại Bên kia.

3. Mặc dù đã có các quy định trên của Điều này, tiền công thu được từ lao động làm công trên tàu thủy hoặc máy bay do một doanh nghiệp là đối tượng cư trú của một Bên ký kết điều hành trong vận tải quốc tế sẽ chỉ bị đánh thuế tại Bên đó.

## ĐIỀU 16
## THÙ LAO GIÁM ĐỐC

Các khoản thù lao cho giám đốc và các khoản thanh toán tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Bên ký kết nhận được với tư cách là thành viên của Ban giám đốc của một công ty là đối tượng cư trú của Bên ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Bên ký kết kia.

## ĐIỀU 17
## NGHỆ SỸ VÀ VẬN ĐỘNG VIÊN

1. Mặc dù đã có những quy định tại các Điều 14 và 15, thu nhập của một đối tượng cư trú của một Bên ký kết thu được với tư cách một người biểu diễn như diễn viên sân khấu, diễn viên điện ảnh, nghệ sĩ phát thanh hoặc truyền hình, hoặc nhạc công hoặc với tư cách là vận động viên từ những hoạt động cá nhân của người đó thực hiện tại Bên ký kết kia, có thể bị đánh thuế tại Bên ký kết kia.

2. Trường hợp thu nhập liên quan đến các hoạt động trình diễn cá nhân của người biểu diễn hoặc vận động viên nhưng không được trả cho bản thân người biểu diễn hoặc vận động viên, mà trả cho một đối tượng khác thì thu nhập đó có thể bị đánh thuế tại Bên ký kết nơi diễn ra những hoạt động trình diễn của người biểu diễn hoặc vận động viên, mặc dù đã có các quy định tại các Điều 7, 14 và 15.

3. Mặc dù đã có những quy định tại các khoản 1 và 2, thu nhập do các nghệ sĩ hoặc vận động viên là đối tượng cư trú của một Bên ký kết thu được từ các hoạt động trình diễn tại Bên ký kết kia theo một kế hoạch trao đổi văn hóa giữa Chính phủ Việt Nam và Chính quyền Khu Hành chính đặc biệt Macao sẽ được miễn thuế tại Bên ký kết kia.

## ĐIỀU 18

## TIỀN LƯƠNG HƯU VÀ CÁC KHOẢN THANH TOÁN BẢO HIỂM XÃ HỘI

1. Thể theo các quy định tại khoản 2 Điều 19, tiền lương hưu và các khoản tiền thù lao tương tự khác (kể cả số tiền thanh toán một lần), được trả cho một đối tượng cư trú của một Bên ký kết liên quan đến việc làm công trước đây sẽ chỉ bị đánh thuế tại Bên đó.

2. Mặc dù đã có các quy định tại khoản 1, tiền lương hưu và các khoản tiền thanh toán khác (kể cả số tiền thanh toán một lần) được trả theo một chương trình lương hưu hoặc về hưu mà là:

   (a) một chương trình công thuộc một phần của hệ thống bảo hiểm xã hội của một Bên ký kết; hoặc

   (b) một hình thức tổ chức mà các cá nhân có thể tham gia để bảo đảm có các lợi ích khi về hưu và được công nhận cho mục đích thuế tại một Bên ký kết,

   sẽ chỉ bị đánh thuế tại Bên ký kết đó.



Lai

## ĐIỀU 19

## PHỤC VỤ CHÍNH PHỦ VIỆT NAM HOẶC CHÍNH QUYỀN KHU HÀNH CHÍNH ĐẶC BIỆT MACAO

1. (a) Tiền lương, tiền công và các khoản tiền thù lao tương tự khác, trừ tiền lương hưu, do một Bên ký kết hoặc Chính phủ Việt Nam hoặc Chính quyền Khu Hành chính đặc biệt Macao trả cho một cá nhân đối với việc phục vụ cho Bên đó hoặc Chính phủ Việt Nam hoặc Chính quyền Khu Hành chính đặc biệt Macao sẽ chỉ bị đánh thuế tại Bên đó.

   (b) Tuy nhiên, khoản tiền lương, tiền công và các khoản tiền thù lao tương tự khác nói trên sẽ chỉ bị đánh thuế tại Bên ký kết kia nếu việc phục vụ này được thực hiện tại Bên ký kết kia và nếu cá nhân này là đối tượng cư trú của Bên ký kết kia, đồng thời:

      (i) trong trường hợp của Việt Nam, là đối tượng mang quốc tịch của Việt Nam, và trong trường hợp của Macao, được coi là đối tượng cư trú theo Luật Cơ bản của Macao; hoặc

      (ii) không trở thành đối tượng cư trú của Bên ký kết kia chỉ đơn thuần vì thực hiện những công việc trên.

2. (a) Bất kỳ khoản tiền lương hưu và các khoản tiền thù lao tương tự khác (kể cả số tiền thanh toán một lần) do một Bên ký kết hoặc Chính phủ Việt Nam hoặc Chính quyền Khu Hành chính đặc biệt Macao hoặc do các quỹ của Chính phủ Việt Nam hoặc Chính quyền Khu Hành chính đặc biệt Macao lập ra trả cho một cá nhân đối với công việc phục vụ cho Bên đó hoặc Chính phủ Việt Nam hoặc Chính quyền Khu Hành chính đặc biệt Macao sẽ chỉ bị đánh thuế tại Bên đó.

   (b) Tuy nhiên, khoản tiền lương hưu và các khoản tiền thù lao tương tự này (kể cả số tiền thanh toán một lần) sẽ chỉ bị đánh thuế tại Bên ký kết kia nếu cá nhân này là đối tượng cư trú của Bên ký kết kia và trong trường hợp của Việt Nam, là đối tượng mang quốc tịch của Việt Nam, và trong trường hợp của Macao, được coi là đối tượng cư trú theo Luật Cơ bản của Macao.

3. Những quy định của các Điều 15, 16, 17 và 18 sẽ áp dụng đối với những khoản tiền lương, tiền công, tiền lương hưu và các khoản tiền thù lao tương tự (kể cả số tiền thanh toán một lần) đối với các công việc liên quan đến một hoạt động kinh doanh được tiến hành bởi Chính phủ Việt Nam hoặc Chính quyền Khu Hành chính đặc biệt Macao.

## ĐIỀU 20
## SINH VIÊN VÀ THỰC TẬP SINH

Những khoản tiền mà một sinh viên hoặc thực tập sinh nhận được để trang trải các chi phí sinh hoạt, học tập hoặc đào tạo mà người sinh viên hoặc thực tập sinh này ngay trước khi đến một Bên ký kết đang hoặc đã là đối tượng cư trú của Bên ký kết kia và hiện có mặt tại Bên thứ nhất chỉ với mục đích học tập hoặc đào tạo, sẽ không bị đánh thuế tại Bên đó, với điều kiện các khoản tiền nhận được có nguồn gốc từ bên ngoài cho mục đích trang trải các chi phí sinh hoạt, học tập, nghiên cứu hoặc đào tạo; và

Mặc dù đã có những quy định tại Điều 15, khoản tiền thù lao trả cho các dịch vụ được thực hiện bởi một sinh viên hoặc thực tập sinh được đề cập tại khoản trên tại một Bên ký kết sẽ không bị đánh thuế tại Bên đó, với điều kiện là các dịch vụ như vậy có liên quan đến việc học tập, nghiên cứu hoặc đào tạo của đối tượng đó.

## ĐIỀU 21
## THU NHẬP KHÁC

1. Các khoản thu nhập của một đối tượng cư trú của một Bên ký kết, cho dù phát sinh ở đâu, chưa được đề cập đến tại các Điều trên của Hiệp định này, sẽ chỉ bị đánh thuế tại Bên đó.

2. Các quy định tại khoản 1 sẽ không áp dụng đối với thu nhập, trừ thu nhập từ bất động sản được định nghĩa tại khoản 2 Điều 6, nếu đối tượng nhận khoản thu nhập đó là đối tượng cư trú của một Bên ký kết, có tiến hành kinh doanh tại Bên ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú có tại Bên kia, hoặc tiến hành tại Bên kia các dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định nằm tại Bên đó, và quyền hoặc tài sản liên quan đến số thu nhập được trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định như trên. Trong trường hợp như vậy, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

3. Mặc dù đã có những quy định tại các khoản 1 và 2, các khoản thu nhập của một đối tượng cư trú chưa được đề cập đến tại các Điều trên của Hiệp định này do một đối tượng cư trú của một Bên ký kết nhận được có nguồn tại Bên ký kết kia cũng có thể bị đánh thuế tại Bên kia, và phù hợp với các luật của Bên kia.

## ĐIỀU 22

## CÁC BIỆN PHÁP XÓA BỎ VIỆC ĐÁNH THUẾ HAI LẦN

1. Tại Việt Nam, việc đánh thuế hai lần sẽ được xóa bỏ như sau:

   (a) Trường hợp một đối tượng cư trú của Việt Nam nhận được thu nhập hoặc sở hữu tài sản, lợi nhuận hoặc giá trị tăng thêm mà theo luật của Macao và phù hợp với Hiệp định này, có thể bị đánh thuế tại Macao, Việt Nam sẽ cho phép khấu trừ vào thuế đánh trên thu nhập một khoản tiền bằng số tiền thuế đã nộp tại Macao. Tuy nhiên, khoản tiền thuế được khấu trừ sẽ không vượt quá số thuế Việt Nam đánh trên thu nhập, lợi nhuận hoặc giá trị tăng thêm được tính phù hợp với các luật và quy định về thuế của Việt Nam;

   (b) Trường hợp một đối tượng cư trú của Việt Nam nhận được thu nhập hoặc sở hữu tài sản mà theo bất kỳ quy định nào của Hiệp định này sẽ chỉ bị đánh thuế tại Macao, thì khi tính thuế đối với thu nhập còn lại của đối tượng cư trú đó tại Việt Nam, Việt Nam có thể tính đến số thu nhập được miễn thuế.

2. Tại Macao, việc đánh thuế hai lần sẽ được xóa bỏ như sau:

   (a) Trường hợp một đối tượng cư trú của Macao nhận được thu nhập mà theo các quy định của Hiệp định này sẽ bị đánh thuế tại Việt Nam, trừ trường hợp áp dụng các quy định tại điểm (b), khoản thu nhập đó sẽ được miễn thuế tại Macao;

   (b) Trường hợp một đối tượng cư trú của Macao nhận được thu nhập sẽ bị đánh thuế tại Việt Nam theo những quy định tại các Điều 10, 11 và 12, số thuế đã nộp tại Việt Nam đối với khoản thu nhập đó sẽ được phép khấu trừ vào số thuế bị đánh tại Macao đối với đối tượng cư trú đó. Tuy nhiên, khoản tiền thuế được khấu trừ sẽ không vượt quá số thuế Macao đánh trên thu nhập chịu thuế được tính bởi Macao.

3. Theo nội dung của Điều này, thuế thu nhập đã nộp tại một Bên ký kết sẽ được coi là bao gồm bất kỳ khoản thuế nào lẽ ra sẽ phải nộp trong bất kỳ năm nào nhưng được miễn hoặc giảm thuế trong năm đó hoặc bất kỳ thời gian nào trong năm đó do việc áp dụng các quy định của luật của Bên ký kết đó về các ưu đãi thuế có thời hạn nhằm thúc đẩy đầu tư nước ngoài vì mục đích phát triển. Các quy định của khoản này sẽ chỉ áp dụng trong thời hạn 10 năm từ ngày Hiệp định này có hiệu lực.

4. Trường hợp một công ty là đối tượng cư trú của một Bên ký kết trả tiền lãi cổ phần cho một công ty là đối tượng cư trú của Bên ký kết kia và công ty nhận lãi cổ phần, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát không ít hơn 10 phần trăm cổ phần của công ty trả tiền lãi cổ phần, khoản khấu trừ mà công ty là đối tượng cư trú của Bên kia được hưởng bao gồm khoản thuế do công ty trả tiền lãi cổ phần nộp đối với khoản lợi nhuận mà tiền lãi cổ phần phát sinh trên đó (nhưng

không vượt quá tỷ lệ tương ứng của phần lợi nhuận trên đó khoản tiền lãi cổ phần phát sinh).

## ĐIỀU 23
## KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ

1. Các đối tượng là đối tượng mang quốc tịch của Việt Nam, hoặc trong trường hợp của Macao là đối tượng cư trú (được định nghĩa theo Luật Cơ bản hoặc được xác lập hoặc được tạo thành Luật Cơ bản), sẽ không phải chịu tại Bên ký kết kia bất kỳ hình thức thuế nào hoặc bất kỳ yêu cầu nào liên quan đến hình thức thuế đó khác với hoặc nặng hơn hình thức thuế và các yêu cầu liên quan hiện đang hoặc có thể áp dụng đối với các đối tượng mang quốc tịch của Việt Nam hoặc các đối tượng cư trú của Macao (được định nghĩa theo Luật Cơ bản hoặc được xác lập hoặc được tạo thành Luật Cơ bản), đặc biệt đối với đối tượng cư trú, trong cùng các hoàn cảnh như nhau.

2. Hình thức thuế áp dụng đối với một cơ sở thường trú của một doanh nghiệp của một Bên ký kết có tại Bên ký kết kia sẽ không kém thuận lợi hơn hình thức thuế áp dụng đối với các doanh nghiệp của Bên ký kết kia cùng thực hiện những hoạt động tương tự.

3. Trừ trường hợp các quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 7 Điều 11, khoản 6 Điều 12 được áp dụng, lãi từ tiền cho vay, tiền bản quyền, và các khoản thanh toán khác do một doanh nghiệp của một Bên ký kết trả cho đối tượng cư trú của Bên ký kết kia, vì mục đích xác định các khoản lợi nhuận chịu thuế của doanh nghiệp đó, sẽ được trừ vào chi phí theo cùng các điều kiện như thể các khoản đó được trả cho một đối tượng cư trú của Bên thứ nhất.

4. Các doanh nghiệp của một Bên ký kết có toàn bộ hoặc một phần vốn do một hoặc nhiều đối tượng cư trú của Bên ký kết kia sở hữu hoặc kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp, sẽ không phải chịu tại Bên thứ nhất bất kỳ hình thức thuế hoặc yêu cầu nào liên quan đến hình thức thuế đó khác với hoặc nặng hơn hình thức thuế và các yêu cầu liên quan hiện đang hoặc có thể được áp dụng cho các doanh nghiệp tương tự khác của Bên thứ nhất.

5. Không có nội dung nào tại Điều này sẽ được giải thích là buộc một trong hai Bên ký kết phải cho các đối tượng cư trú tại Bên kia hưởng bất kỳ khoản giảm trừ cá nhân, khoản miễn thuế và giảm thuế vì các quy định dân sự hoặc trách nhiệm gia đình mà Bên đó dành cho các đối tượng cư trú của mình.

6. Những quy định tại Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với các loại thuế bao gồm trong Hiệp định.

## ĐIỀU 24

## THỦ TỤC THỎA THUẬN SONG PHƯƠNG

1. Trường hợp một đối tượng là đối tượng cư trú của một Bên ký kết nhận thấy rằng việc giải quyết của nhà chức trách có thẩm quyền của một hoặc cả hai Bên ký kết làm cho hoặc sẽ làm cho đối tượng đó phải nộp thuế không đúng với các quy định của Hiệp định này, khi đó đối tượng này có thể giải trình trường hợp của mình với nhà chức trách có thẩm quyền của Bên ký kết nơi đối tượng đó là đối tượng cư trú, mặc dù nội luật của hai Bên đã quy định các chế độ xử lý khiếu nại. Trường hợp đó phải được giải trình trong thời hạn ba năm kể từ thông báo đầu tiên về cách giải quyết dẫn đến hình thức thuế áp dụng không đúng với các quy định của Hiệp định.
2. Nhà chức trách có thẩm quyền sẽ cố gắng, nếu như việc khiếu nại là hợp lý và nếu bản thân nhà chức trách đó không thể đi đến một giải pháp thỏa đáng, phối hợp với nhà chức trách có thẩm quyền của Bên ký kết kia để cùng giải quyết trường hợp khiếu nại bằng thỏa thuận chung, nhằm mục đích tránh đánh thuế không phù hợp với quy định của Hiệp định này. Mọi thỏa thuận đạt được sẽ được thực hiện mặc dù đã có bất kỳ những giới hạn về thời gian quy định tại nội luật của hai Bên ký kết.
3. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Bên ký kết sẽ cố gắng giải quyết bằng thỏa thuận chung mọi khó khăn hoặc vướng mắc phát sinh trong quá trình giải thích hoặc áp dụng Hiệp định này. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Bên cũng có thể trao đổi với nhau nhằm xóa bỏ việc đánh thuế hai lần trong các trường hợp không được quy định tại Hiệp định.
4. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Bên ký kết có thể liên hệ trực tiếp với nhau nhằm đạt được một thỏa thuận theo nội dung của các khoản trên đây.

## ĐIỀU 25
## TRAO ĐỔI THÔNG TIN

1. Các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Bên ký kết sẽ trao đổi với nhau những thông tin có thể thấy trước là thích hợp cho việc thực hiện các quy định của Hiệp định này hoặc để quản lý hoặc thực thi nội luật của từng Bên ký kết liên quan đến các loại thuế được đánh bởi hai Bên ký kết, hoặc Chính phủ Việt Nam hoặc Chính quyền Khu Hành chính đặc biệt Macao trong phạm vi việc đánh thuế không trái với Hiệp định này. Việc trao đổi thông tin không bị giới hạn bởi các Điều 1 và 2.

2. Mọi thông tin do một Bên ký kết nhận được theo khoản 1 sẽ được giữ bí mật giống như thông tin thu nhận theo nội luật của Bên này và thông tin đó sẽ chỉ được cung cấp cho các đối tượng hoặc các cơ quan chức năng (bao gồm cả tòa án và các cơ quan hành chính) có liên quan đến việc tính toán, hoặc thu, cưỡng chế hoặc truy tố hoặc xác định các khiếu nại về các loại thuế nêu tại khoản 1, hoặc giám sát các nội dung trên. Các đối tượng hoặc các cơ quan chức năng này sẽ chỉ sử dụng các thông tin đó vào các mục đích nêu trên. Họ có thể cung cấp các thông tin này trong quá trình tố tụng công khai của tòa án hoặc trong các quyết định của tòa án.

3. Không có trường hợp nào cho phép những quy định tại khoản 1 và khoản 2 được giải thích là buộc một Bên ký kết có nghĩa vụ:

   (a) thực hiện các biện pháp hành chính khác với luật pháp và thông lệ về quản lý hành chính của Bên ký kết đó hoặc của Bên ký kết kia;

   (b) cung cấp các thông tin không thể đạt được theo luật pháp hoặc thông lệ quản lý hành chính thông thường của Bên ký kết đó hoặc của Bên ký kết kia;

   (c) cung cấp các thông tin có thể làm tiết lộ bí mật về thương mại, kinh doanh, bí mật công nghiệp, thương mại hoặc nghề nghiệp hoặc các quy trình kinh doanh, hoặc các thông tin mà việc tiết lộ chúng có thể trái với chính sách công.

4. Nếu thông tin do một Bên ký kết yêu cầu phù hợp với Điều này, Bên ký kết kia sẽ sử dụng các biện pháp thu thập thông tin của mình để có được các thông tin theo yêu cầu, mặc dù Bên kia có thể không cần các thông tin như vậy cho mục đích thuế của chính mình. Nghĩa vụ được quy định tại câu trên phụ thuộc vào các giới hạn tại khoản 3 nhưng trong mọi trường hợp các giới hạn này không có nghĩa là cho phép một Bên ký kết từ chối việc cung cấp thông tin chỉ vì Bên ký kết đó không có lợi ích trong nước đối với các thông tin như vậy.

5. Trong mọi trường hợp, các quy định tại khoản 3 sẽ không cho phép một Nước ký kết từ chối việc cung cấp thông tin chỉ vì thông tin do một ngân hàng, tổ chức tài chính, đối tượng được chỉ định hoặc đối tượng với tư cách đại lý

hoặc đối tượng được uỷ thác khác nắm giữ hoặc chỉ vì thông tin có liên quan đến các lợi ích về sở hữu trong một đối tượng.

## ĐIỀU 26

## CÁC THÀNH VIÊN CỦA CÁC PHÁI ĐOÀN CHÍNH PHỦ VIỆT NAM HOẶC CHÍNH QUYỀN KHU HÀNH CHÍNH ĐẶC BIỆT MACAO

Không có nội dung nào tại Hiệp định này ảnh hưởng đến các ưu đãi về thuế của các thành viên của các phái đoàn Chính phủ Việt Nam hoặc Chính quyền Khu Hành chính đặc biệt Macao, kể cả cơ quan đại diện lãnh sự theo các quy tắc chung của pháp luật quốc tế hoặc các quy định tại các hiệp định đặc biệt.

## ĐIỀU 27
## HIỆU LỰC

1. Mỗi Bên ký kết sẽ thông báo cho nhau biết bằng văn bản việc hoàn tất các thủ tục theo yêu cầu của luật pháp Bên mình để Hiệp định có hiệu lực. Hiệp định này sẽ có hiệu lực vào ngày nhận được thông báo sau cùng.

2. Hiệp định này sẽ có hiệu lực thi hành:

   (a) đối với các loại thuế khấu trừ tại nguồn, liên quan đến các khoản thu nhập nhận được vào ngày hoặc sau ngày đầu tiên của tháng Một sau năm dương lịch Hiệp định này có hiệu lực, và trong các năm dương lịch tiếp theo; và

   (b) đối với các loại thuế khác, liên quan đến thu nhập, lợi nhuận hoặc giá trị tăng thêm phát sinh vào ngày hoặc sau ngày đầu tiên của tháng Một sau năm dương lịch Hiệp định này có hiệu lực, và trong các năm dương lịch tiếp theo.

## ĐIỀU 28
## CHẤM DỨT HIỆU LỰC

Hiệp định này sẽ vẫn còn hiệu lực cho đến khi một trong hai Bên ký kết chấm dứt hiệu lực. Từng Bên ký kết có thể chấm dứt hiệu lực Hiệp định bằng cách gửi cho Bên ký kết kia thông báo chấm dứt hiệu lực, ít nhất sáu tháng trước khi kết thúc bất kỳ năm dương lịch nào bắt đầu sau thời hạn năm năm kể từ ngày Hiệp định này có hiệu lực. Trong trường hợp như vậy, Hiệp định này sẽ hết hiệu lực thi hành tại cả hai Bên ký kết:

(a) đối với các loại thuế khấu trừ tại nguồn, liên quan đến các khoản thu nhập nhận được vào ngày hoặc sau ngày đầu tiên của tháng Một sau năm dương lịch nhận được thông báo chấm dứt hiệu lực, và trong các năm dương lịch tiếp theo; và

(b) đối với các loại thuế khác, liên quan đến thu nhập, lợi nhuận hoặc giá trị tăng thêm phát sinh vào ngày hoặc sau ngày đầu tiên của tháng Một sau năm dương lịch nhận được thông báo chấm dứt hiệu lực, và trong các năm dương lịch tiếp theo.



Lai

**ĐỂ LÀM BẰNG** những người có tên dưới đây, được sự ủy quyền hợp thức, đã ký vào Hiệp định này.

**LÀM** tại Macao ngày 16 tháng 04 năm 2018 thành hai (02) bản, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Trung, tiếng Bồ Đào Nha và tiếng Anh, tất cả các văn bản đều có giá trị như nhau. Trường hợp có sự giải thích khác nhau, văn bản tiếng Anh được dùng làm cơ sở.

| **THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** | **THAY MẶT CHÍNH QUYỀN KHU HÀNH CHÍNH ĐẶC BIỆT MACAO CỦA NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA** |
|---|---|
| **Đỗ Hoàng Anh Tuấn**<br>*Thứ trưởng Bộ Tài chính* | **Leong Vai Tac**<br>*Cục trưởng Cục Kinh tế và Tài chính* |

# 越南社會主義共和國政府
# 和
# 中華人民共和國澳門特別行政區政府
# 對所得避免雙重徵稅和防止偷漏稅的協定

越南社會主義共和國政府和中華人民共和國澳門特別行政區政府，為促進經濟合作，願意締結對所得避免雙重徵稅和防止偷漏稅的協定，達成協議如下：

## 第一條
## 人的範圍

本協定適用於協議一方或同時為雙方居民的人。

## 第二條
## 稅種範圍

一、 本協定適用於由協議一方或其地方當局對所得徵收的稅收，不論其徵收方式如何。

二、 對全部所得或者某項所得徵收的所有稅收，包括對轉讓動產或不動產取得的收益徵收的稅收，對企業支付的工資或薪金總額徵收的稅收以及對資本增值徵收的稅收，應視為對所得徵收的稅收。

三、 本協定特別適用的現行稅種是：

（一）在越南：

1. 個人所得稅；及
2. 營業所得稅；

(以下稱為“越南稅收”）及

（二） 在澳門：

1. 所得補充稅；
2. 職業稅；及
3. 市區房屋稅；

(以下稱為“澳門稅收”)；

四、 本協定也適用於本協定簽訂之日後徵收的屬於增加或代替現行稅種的任何相同或實質相似的各種稅收。協議雙方主管當局應將各自稅法所作出的重大變動通知對方。

## 第三條
## 一般定義

一、 在本協定中，除上下文另有規定以外：

（一） “越南”一語是指越南社會主義共和國，而該語用於地理概念時，是指其土地領土、島嶼、內陸水域、領海及上述各處之上空，以及越南社會主義共和國按照國內法和國際法行使主權、主權權利和管轄權的在其領海以外的海洋區域，包括海床和其底土；

（二） “澳門”一語是指中華人民共和國澳門特別行政區；用於地理概念時，是指澳門半島、氹仔島及路環島；

（三） “協議一方”和“協議另一方”的用語，按照上下文，是指越南或澳門；

（四） “人”一語包括自然人、公司和其他團體；

（五） “公司”一語是指法人或在稅收上視同法人的實體；

（六） “協議一方企業”和“協議另一方企業”的用語，分別指協議一方居民經營的企業和協議另一方居民經營的企業；

（七） “越南國民”一語是指：

1. 擁有越南國籍的任何自然人；及
2. 根據越南現行法律取得其地位的任何法人、合夥企業和團體；

（八） “主管當局”一語：

1. 就越南而言，是指越南社會主義共和國的財政部部長或其獲授權代表；及
2. 就澳門而言，是指中華人民共和國澳門特別行政區的行政長官或其授權代表；

（九） “國際運輸”一語是指在協議一方居民企業以船舶或飛機經營的運輸，但不包括僅在協議另一方各地之間以船舶或飛機經營的運輸。

二、 協議一方在任何時候實施本協定時，對於未經本協定明確定義的用語，除上下文另有規定以外，應當具有協定實施時該方適用於本協定的稅種的法律所規定的含義，該方稅法對有關術語的定義應優先於其他法律對同一術語的定義。

## 第四條
## 居民

一、 在本協定中，“協議一方居民”一語是指按照該方法律，由於住所、居所、註冊地、成立地、管理地，或其他類似的標準，在該方負有納稅義務的人。但是，這一用語不包括僅因來源於該方的所得而在該方負有納稅義務的人。

二、 於第一款的規定，同時為協議雙方居民的自然人，其身份應按以下規則確定：

(一) 應認為僅是其有永久性住所所在一方的居民；如果在雙方同時有永久性住所，應認為祇是與其個人和經濟關係更密切（重要利益中心）所在一方的居民；

(二) 如果其重要利益中心所在地無法確定，或者在任何一方都沒有永久住所，應認為祇是其有習慣性居處所在一方的居民；

(三) 如果其在雙方都有，或者都沒有習慣性居處，協議雙方主管當局應通過協商解決。

三、 由於第一款的規定，除自然人以外，同時為協議雙方居民的人，應通過相互協商決定該人在本協定中屬哪一協議方的居民。

## 第五條
## 常設機構

一、 在本協定中，“常設機構”一語是指企業進行全部或部分營業的固定營業場所。

二、“常設機構”一語特別包括：

（一）管理場所；
（二）分支機搆；
（三）辦事處；
（四）工廠；
（五）作業場所；
（六）貨倉（就向他人供應貯存設施的人而言）；
(七) 礦場、油井或氣井、採石場或者其他開採自然資源的場所；及
(八) 為勘探及開發自然資源而使用的裝置構築物或設備。

三、“常設機構”一語還包括：

(一) 建築工地、建築、裝配或安裝工程、或與其有關的監督管理活動，但僅以該工地、項目或活動連續六個月以上的為限；
(二) 協議一方企業通過僱員或僱用的其他人員，在協議方為同一項目或相關聯的項目提供的勞務，包括諮詢勞務，但僅以在任何十二個月中連續或累計超過一百八十三天的為限。

四、 雖有本條上述規定，“常設機構”一語應認為不包括：

（一） 專為儲存或陳列本企業貨物或商品的目的而使用的設施；
（二） 專為儲存或陳列的目的而保存本企業貨物或商品的庫存；
（三） 專為另一企業加工的目的而保存本企業貨物或商品的庫存；
（四） 專為本企業採購貨物或商品，或搜集信息的目的所設的固定營業場所；
（五） 專為本企業進行其他準備性或輔助性活動的目的所設的固定營業場所；
（六） 專為本款第（一）項至第（五）項活動的結合所設的固定營業場所，如果由於這種結合使該固定營業場所的全部活動屬於準備性質或輔助性質。

五、 雖有第一款和第二款的規定，當一個人（除適用第六款規定的獨立地位代理人以外）在協議一方代表協議另一方的企業進行活動，並符合以下描述，則就這個人為該企業進行的任何活動，應認為該企業在首述的協議方設有常設機構：

（一） 有權以該企業的名義簽訂合同並慣常行使這種權力，除非這個人通過固定營業場所進行的活動限於第四款的規定。按照該款規定，不應認為該固定營業場所是常設機構；或

（二） 這個人並沒有上述權力，但慣常在首述的一方保存貨物或商品的庫存，並代表該企業有規律地交付貨物或商品。

六、 協議一方企業僅通過按常規經營本身業務的經紀人、一般佣金代理人或任何其他獨立地位代理人在協議另一方進行營業，不應認為在該協議另一方設有常設機構。然而，如該代理人的活動全部或幾乎全部屬代表該企業而進行，而該企業與該代理人之間在商業及財務關係上訂立或施加的條件，是有別於互相獨立企業之間所訂立的條件，則該代理人不會被視為本款所指的具獨立地位代理人。

七、 協議一方居民公司，控制或被控制於協議另一方居民公司或在該協議另一方進行營業的公司（不論是否通過常設機構），此項事實不能據以使任何一方公司構成另一方公司的常設機構。

## 第六條
## 不動產所得

一、 協議一方居民從位於協議另一方的不動產取得的所得（包括農業或林業所得），可以在該協議另一方徵稅。

二、“不動產”一語應當具有財產所在地的協議一方的法律所規定的含義。該用語在任何情況下應包括附屬於不動產的財產，農業和林業所使用的牲畜和設備，有關地產的一般法律規定所適用的權利，不動產的用益權以及由於開採或有權開採礦藏、水源和其他自然資源取得的不固定或固定收入的權利。船舶、船隻和飛機不應視為不動產。

三、 第一款的規定應適用於從直接使用、出租或任何其他形式使用不動產取得的所得。

四、 第一款和第三款的規定也適用於企業的不動產所得和用於進行獨立個人勞務的不動產所得。

## 第七條
## 營業利潤

一、 協議一方企業的利潤應僅在該方徵稅，但該企業通過設在協議另一方的常設機構在協議另一方進行營業的除外。如該企業如前述般經營業務，則其利潤可以在協議另一方徵稅，但應僅以歸屬於：

(一) 該常設機構；

(二) 在該協議另一方出售的貨物或商品的種類與透過該常設機構出售的相同或類似；或

(三) 在該協議另一方進行營業活動的種類與透過該常設機構經營的相同或類似；

但企業若能夠顯示，該等出售或營業活動是為獲取條約利益以外的理由而進行的，則(二)或(三)不適用。

二、 除適用第三款的規定以外，協議一方企業通過設在協議另一方的常設機構在該協議另一方進行營業，應將該常設機構視同在相同或類似情況下從事相同或類似活動的獨立分設企業，並同該常設機構所隸屬的企業完全獨立處理，該常設機構可能得到的利潤在協議各方應歸屬於該常設機構。

三、 在確定常設機構的利潤時，應當允許扣除其進行營業發生的各項費用，包括行政和一般管理費用，不論其發生於該常設機構所在一方或者其他任何地方。然而，常設機構由於使用專利或其他權利支付給企業總機構或其他辦事處的特許權使用費、費用或其他類似款項，或為提供特別勞務或管理而支付的酬金，或借款給常設機構而支付的利息，銀行企業除外，都不得作任何扣除（屬於償還代墊實際發生的費用除外）。同樣，在確定常設機構的利潤時，也不考慮由於使用專利或其他權利，常設機構從企業總機構或其他辦事處取得的特許權使用費、費用或其他類似款項，或為提供特別勞務或管理而取得的酬金，或借款給企業總機構或任何其他辦事處而收取的利息，銀行企業除外（屬於償還代墊實際發生的費用除外）。

四、 如果協議一方習慣於以企業總利潤按一定比例分配給所屬各單位的方法來確定常設機構的利潤，則第二款規定並不妨礙該協議一方按這種習慣分配方法確定其應稅利潤。但是，採用的分配方法所得到的結果，應與本條所規定的原則一致。

五、 在上述各款中，除有適當的和充分的理由需要變動外，每年應採用相同的方法

確定歸屬於常設機構的利潤。

六、 利潤中如果包括本協定其他各條單獨規定的所得項目時，本條規定不應影響其他各條的規定。

## 第八條
## 海運和空運

一、 協議一方居民企業以船舶或飛機經營的國際運輸所取得的利潤，應僅在該一方徵稅。

二、 第一款的規定也適用於參加合夥經營、聯合經營或參加國際經營機構取得的利潤。

## 第九條
## 聯屬企業

一、 當：

（一）協議一方企業直接或間接參與協議另一方企業的管理、控制或資本；或

（二）同一人直接或間接參與協議一方企業和協議另一方企業的管理、控制或資本，

並且，在上述任何一種情況下，如果兩個企業之間建立商業或財務關係上訂立或施加的條件是有別於互相獨立企業之間所訂立的條件，並且由於這些條件的存在，導致其中一個企業沒有取得其本應取得的利潤，則可以將這部分利潤計入該企業的所得，並據以徵稅。

二、 協議一方將協議另一方已徵稅的企業利潤，而這部分利潤是本應由該協議一方企業取得的，包括在該協議一方企業的利潤內徵稅時，如果這兩個企業之間的關係是獨立企業之間關係，該協議另一方應對這部分利潤所徵收的稅額加以調整。在確定該等調整時，應對本協定其他規定予以注意。如有必要，協議雙方主管當局應相互協商。



Lai

## 第十條
## 股息

一、 協議一方居民公司支付給協議另一方居民的股息，可以在協議另一方徵稅。

二、 然而，這些股息也可以在支付股息的公司是其居民的協議一方，按照該一方法律徵稅。但是，如果股息受益所有人是協議另一方居民，則所徵稅款不應超過股息總額的百分之十。

本款不應影響對該公司支付股息前的利潤徵稅。

三、 本條“股息”一語是指從股份、礦業股份、發起人股份或其他分享利潤的權利(但非屬債權關係)取得的所得，以及按照分配利潤的公司是其居民的一方法律，視同股份所得同樣徵稅的其他公司權利取得的所得。

四、 如果股息受益所有人是協議一方居民，在支付股息的公司是其居民的協議另一方，通過設在協議另一方的常設機構進行營業或通過設在協議另一方的固定基地從事獨立個人勞務，據以支付股息的股份與該常設機構或固定基地有實際聯繫的，不適用第一款和第二款的規定。在這種情況下，應視具體情況適用第七條或第十四條的規定。

五、 協議一方居民公司從協議另一方取得利潤或所得，該協議另一方不得對該公司支付的股息徵稅，也不得對該公司的未分配利潤徵稅，即使支付的股息或未分配利潤全部或部分是發生於協議另一方的利潤或所得。但是，支付給協議另一方居民的股息或者據以支付股息的股份與設在協議另一方的常設機構或固定基地有實際關連的除外。

## 第十一條
## 利息

一、 產生於協議一方而支付給協議另一方居民的利息，可以在該協議另一方徵稅。

二、 然而，這些利息也可以在該利息產生的協議一方，按照該一方的法律徵稅。但是，如果利息受益所有人是協議另一方居民，則所徵稅款不應超過該等利息總額的百分之十。

三、 雖有本條第二款的規定，產生於協議一方而為協議另一方政府或完全為其政府所有的金融機構或由雙方主管當局取得協議認可的其他機構取得的利息，在該一方免稅。

四、 本條“利息”一語是指從各種債權取得的所得，不論其有無抵押擔保或是否有權分享債務人的利潤；特別是從公債、債券或信用債券取得的所得，包括其溢價和獎金。就本條而言，延期支付而產生的罰款不應視為本條所規定的利息。

五、 如果利息受益所有人是協議一方居民，在利息產生的協議另一方，通過設在該協議另一方的常設機構進行營業，或通過設在該協議另一方的固定基地從事獨立個人勞務，據以支付該利息的債權是與(一)該常設機構或固定基地，或(二)第七條第一款(三)項所述的業務活動有實際關連的，則不適用第一款、第二款和第三款的規定。在這種情況下，應視具體情況適用第七條或第十四條的規定。

六、 如果支付利息的人是其政府或該方居民，應認為該利息產生在該協議一方。然而，如果支付利息的人，不論是否為協議一方居民，在協議一方設有常設機構或固定基地，據以支付該利息的債務與該常設機構或固定基地有關連，並由其負擔該利息，上述利息應認為產生於該常設機構或固定基地所在一方。

七、 由於支付利息的人與受益所有人之間或他們與其他人之間的特殊關係，就有關債權所支付的利息數額超出支付人與受益所有人倘沒有上述關係所能同意的數額時，本條規定應僅適用於後來提及的數額。在這種情況下，支付款項的超出部分，仍應按協議各方的法律徵稅，但應對本協定其他規定予以適當注意。

## 第十二條
## 特許權使用費

一、 產生於協議一方而支付給協議另一方居民的特許權使用費，可以在該協議另一方徵稅。

二、 然而，這些特許權使用費也可以在其產生的協議一方，按照該一方的法律徵稅。但是，如果特許權使用費受益所有人是協議另一方居民，則所徵稅款不應超過特許權使用費總額的百分之十。

三、 本條“特許權使用費”一語是指使用或有權使用任何文學、藝術或科學著作，包括電影影片或電台或電視廣播使用的膠片或磁帶的版權，任何專利、商標、設計或模型、計劃、秘密配方或程序所支付的作為報酬的各種款項；或作為使用或有權使用工業、商業或科學設備；又或有關工業、商業或科學經驗的信息所支付的作為報酬的各種款項。

四、 如果特許權使用費受益所有人是協議一方居民，在特許權使用費產生的協議另一方，通過設在該協議另一方的常設機構進行營業或通過設在該協議另一方的固定基地從事獨立個人勞務，據以支付該特許權使用費的權利或財產是與(一)該常設機構或固定基地，或(二)第七條第一款(三)項所述的業務活動有實際關連的，不適用第一款和第二款的規定。在這種情況下，應視具體情況適用第七條或第十四條的規定。

五、 如果支付特許權使用費的人是其政府或該方居民，應認為該特許權使用費產生在該協議一方。然而，如果支付特許權使用費的人，不論是否為協議一方居民，在協議一方設有常設機構或固定基地，支付該特許權使用費的義務與該常設機構或者固定基地有關連，並由其負擔該特許權使用費，上述特許權使用費應認為發生於該常設機構或固定基地所在一方。

六、 由於支付特許權使用費的人與受益所有人之間或他們與其他人之間的特殊關係，就有關使用、權利或信息支付的特許權使用費數額超出支付人與受益所有人沒有上述關係所能同意的數額時，本條規定應僅適用於後來提及的數額。在這種情況下，支付款項的超出部分，仍應按協議各方的法律徵稅，但應對本協定其他規定予以適當注意。

## 第十三條
## 轉讓財產所得

一、 協議一方居民轉讓第六條所述位於協議另一方的不動產取得的收益，可以在該協議另一方徵稅。

二、 轉讓屬於協議一方企業在協議另一方的常設機構營業財產部分的動產、或協議一方居民在協議另一方從事獨立個人勞務的固定基地的動產取得的收益，包括轉讓常設機構（單獨或者隨同整個企業）或固定基地取得的收益，可以在該另一方徵稅。

三、 協議一方居民企業轉讓經營國際運輸的船舶和飛機，或轉讓屬於經營上述船舶和飛機的動產取得的收益，應僅在該協議一方徵稅。

四、 轉讓公司的資本股票的股份或以合夥、信託或地產的權益，而取得的收益，其財產主要是直接或間接由位於協議另一方的不動產組成，可在該另一方徵稅。

在本款中，“主要”一語是指有關不動產的所有權，該不動產的價值超過由公司、合夥、信託或地產所擁有的所有資產總價值的百分之五十。

五、 第四款所述股份以外，協議一方居民公司轉讓不少於該公司全部股權的百分之十五的股份而取得的收益，可在該方徵稅。

六、 轉讓第一、二、三、四及五款所述財產以外的其他財產取得的收益，應僅在轉讓者為其居民的協議一方徵稅。

## 第十四條
## 獨立個人勞務

一、 協議一方居民的自然人由於專業性勞務或其他獨立性活動取得的所得，應僅在該方徵稅。但具有以下情況之一的，可以在協議另一方徵稅：

（一） 在協議另一方為從事上述活動設有經常使用的固定基地。在這種情況下，該協議另一方可以僅對歸屬於該固定基地的所得徵稅；或

（二） 在有關稅務年度開始或結束的任何 12 個月中，在協議另一方停留連續或累計達到或超過 183 天。在這種情況下，該協議另一方可以僅對在該協議一方進行活動取得的所得徵稅。

二、 “專業性勞務”一語特別包括獨立的科學、文學、藝術、教育或教學活動，以及醫師、律師、工程師、建築師、牙醫師和會計師的獨立活動。

## 第十五條
## 非獨立個人勞務

一、 除適用第十六條、第十八條、第十九條及第二十條的規定外，協議一方居民因受僱取得的薪金、工資和其他類似報酬，除在協議另一方從事受僱的活動以外，應僅在該一方徵稅。在協議另一方從事受僱活動取得的報酬，可以在該協議另一方徵稅。

二、 雖有第一款的規定，協議一方居民因在協議另一方從事受僱活動取得的報酬，同時具有以下三個條件的，應僅在首述的一方徵稅：

(一) 收款人在有關稅務年度開始或結束的任何 12 個月中，在協議另一方停留連續或累計不超過 183 天；同時

(二) 該項報酬由並非另一方居民的僱主支付或代表該僱主支付；並且

(三) 該項報酬不是由僱主設在另一方的常設機構或固定基地所負擔。

三、 雖有本條上述規定，在協議一方居民企業經營國際運輸的船舶或飛機上從事受僱的活動取得的報酬，應僅在該一方徵稅。

## 第十六條
## 董事費

協議一方居民作為協議另一方居民公司的董事會成員取得的董事費和其他類似款項，可以在協議另一方徵稅。

## 第十七條
## 藝術家和運動員

一、 雖有第十四條和第十五條的規定，協議一方居民，作為表演家，如戲劇、電影、廣播或電視藝人、音樂家或作為運動員，在協議另一方從事個人活動取得的所得，可在該協議另一方徵稅。

二、 雖有第七條、第十四條和第十五條的規定，表演家或運動員從事個人活動取得的所得，未歸屬於表演家或運動員本人，而歸屬於其他人時，該所得仍可以在該表演家或運動員從事其活動的協議一方徵稅。

三、 雖有第一款和第二款的規定，協議一方居民的表演家或運動員在協議另一方活動取得的所得，而該活動是在協議雙方政府之間的文化交流計劃下進行的，該協議另一方應免予徵稅。

## 第十八條
## 退休金及社會保障給付

一、 除適用第十九條第二款規定以外，因以前的僱佣關係支付給協議一方居民的退休金及其他類似報酬（包括整筆付款），僅在該一方徵稅。

二、 雖有第一款的規定，就退休金計劃或退休計劃作出的退休金及其他付款（包括整筆付款），其為：

（一）屬公共計劃，為協議一方的社會保障制度的一部分；或

（二）屬安排，為個人參加以確保取得退休福利，並獲協議一方認可作為稅務目的，

應僅在該協議一方徵稅。

## 第十九條
## 政府服務

一、

（一）協議一方或政府對向該一方或其政府提供服務的自然人支付退休金以外的工資、薪俸及其他類似報酬，應僅在該一方徵稅。

（二）但是，如果該項服務是在協議另一方提供，而且提供服務的個人為該協議一方居民，則該等工資、薪俸及其他類似報酬，應僅在該協議一方徵稅。並且該居民：

1. 就越南而言，屬其國民，而就澳門而言，根據澳門基本法視其為居民；或
2. 並非僅由於提供該項服務而成為該協議一方居民。

二、

（一）協議一方或政府支付或從其建立的基金中支付給向其提供服務的個人的退休金及其他類似報酬（包括整筆付款），應僅在該一方徵稅。

（二）但是，如果提供服務的個人是協議另一方居民，並且就越南而言，屬其國民，而就澳門而言，根據澳門基本法視其為居民，該項退休金及其他類似報酬（包括整筆付款），應僅在該協議另一方徵稅。

三、 第十五條、第十六條、第十七條和第十八條的規定，應適用於向協議一方政府舉辦的事業提供服務取得的薪金、工資、退休金及其他類似報酬（包括整筆付款）。

## 第二十條
## 學生及學徒

學生或企業學徒是、或在緊接前往協議一方之前曾是協議另一方居民，僅由於接受教育或培訓的目的，停留在該協議一方，對其為了維持生活、接受教育或培訓的目的收到的來源於該協議一方以外為了維持生活、接受教育、學習或培訓為目的的款項，該協議一方應免予徵稅；及

雖有第十五條的規定，如上一段所述的學生或企業學徒在協議一方提供的服務是與其教育、學習或培訓有關連的，則就該服務支付的報酬不得在該一方徵稅。

## 第二十一條
## 其他所得

一、 協議一方居民取得的各項所得，不論在什麼地方發生，凡本協定上述各條未作規定的，應僅在該協議一方徵稅。

二、 第六條第二款規定的不動產所得以外的其他所得，如果所得收款人為協議一方居民，通過設在協議另一方的常設機構在該協議另一方進行營業，或通過設在該協議另一方的固定基地在該協議另一方從事獨立個人勞務，據以支付所得的權利或財產與該常設機構或固定基地有實際聯繫的，不適用第一款的規定。在這種情況下，應視具體情況分別適用第七條或第十四條的規定。

三、 雖有第一及二款的規定，協議一方的居民從在協議另一方的來源取得的各項收入如在本協定以上各條中未有規定，則亦可在該另一方按照該方的法律徵稅。

## 第二十二條
## 消除雙重徵稅方法

一、在越南，消除雙重徵稅如下：

（一）越南居民取得的所得或所持資產、利潤或收益，根據澳門法律和本協定規定可在澳門徵稅時，越南應允許在對該等所得的稅收中抵免相當於在澳門繳納該項所得的稅額。但是，該項抵免額不應超過對該所得、利潤或收益根據越南稅法和規章計算的越南稅收數額；

（二）越南居民取得的所得或所持資產，根據本協定的任何規定，僅可在澳門徵稅時，則越南仍可計算，就在越南的該居民的其餘所得所徵收稅額，將該已豁免的所得計算在內。

二、在澳門，消除雙重徵稅如下：

（一）澳門居民取得的所得，根據本協定規定可在越南徵稅時，除第（二）項規定以外，該項所得在澳門豁免徵稅；

（二）澳門居民取得的各項所得，根據第十條、第十一條和第十二條的規定，可在越南徵稅時，其在越南繳納該項所得的稅額，應允許在對該居民徵收的澳門稅收中抵免。但是，該項抵免額不應超過對該項所得以澳門計算的澳門稅收數額。

三、 在本條中，在協議一方繳納的所得稅項，應視作包括其有關年度或其任何部分因允予稅收免除或扣除，而本需就有關年度繳納的任何稅收數額（允予免除或扣除是因適用該協議一方法律規定旨為促進外資發展而延長有時限的稅務優惠）。本款的規定自本協定生效之日起為期 10 年適用。

四、 協議一方的居民公司向協議另一方的居民公司支付股息，而後述公司直接或間接控制該支付股息的公司不少於百分之十的股份，則該屬另一方的居民公司可獲得的抵免數額，須包括該支付股息的公司就產生有關股息的利潤（但不超過相應於產生有關股息的適當部分）而繳納的稅款。

## 第二十三條
## 無差別待遇

一、 任何人如就越南而言，屬其國民，而就澳門而言，屬其居民（根據澳門基本法所定義或在該處成立或以其他方式組成），則該人在協議另一方負擔的稅收或與之有關連的規定，在相同情況下，特別是在居住方面，不應與該協議另一方為越南的國民或澳門的居民（根據澳門基本法所定義或在該處成立或以其他方式組成）負擔或可能負擔的稅收或與之有關連的規定不同或比其更重。

二、 協議一方企業在協議另一方常設機構的稅收負擔，不應高於協議另一方對從事同樣活動的該協議另一方企業徵收的稅收。

三、 除適用第九條第一款、第十一條第七款或第十二條第六款的規定外，協議一方企業支付給協議另一方居民的利息、特許權使用費和其他款項，在確定該企業應納稅利潤時，應像已支付給首述方居民的一樣，在相同情況下予以扣除。

四、 協議一方企業的資本全部或部分，直接或間接為協議另一方一個或一個以上的居民擁有或控制，該企業在首述方負擔的稅收或有關條件，不應與首述方其他同類企業的負擔或可能負擔的稅收或有關條件不同或比其更重。

五、 本條所載不應理解為協議任一方由於民事義務或家庭責任給予本身居民的任何稅務扣除、優惠和減免也必須給予協議另一方居民。

六、 本條規定應僅適用於本協定的稅種。

## 第二十四條
## 相互協商程序

一、 如有人認為，協議一方或者雙方主管當局所採取的措施，導致或將導致對其不符合本協定的規定的徵稅時，可以不考慮各協議一方內部法律的補救辦法，將案件提交本人為其居民的協議一方主管當局。該項案件必須在不符合本協定規定的徵稅措施第一次通知之日起，三年內提出。

二、 上述主管當局如果認為所提意見合理，又不能單方面圓滿解決時，應設法同協議另一方主管當局相互協商解決，以避免不符合本協定的徵稅。達成的協議應予執行，而不受各協議一方內部法律的時間限制。

三、 協議雙方主管當局應通過協定設法解決在解釋或實施本協定時所發生的困難或疑義，也可以對本協定未作規定的消除雙重徵稅問題進行協商。

四、 協議雙方主管當局可為達成以上各款條文所述的協議而直接與對方聯絡。

## 第二十五條
## 信息交換

一、 協議雙方主管當局應交換可以預見的與實施本協定的規定相關的信息，或與管理或執行協議雙方、或其政府徵收的各種稅收的內部法律相關的信息，以根據這些法律徵稅與本協定不相抵觸為限。信息交換不受第一條和第二條的限制。

二、 協議一方根據第一款收到的任何信息，應與根據該一方內部法所獲得的信息一樣作密件處理，並僅應告知與第一款所指稅種有關的核定、徵收、執行、起訴或上訴裁決有關的人員或當局（包括法院和行政部門）及其監督部門。上述人員或當局應僅為上述目的使用該信息，但可以在公開法庭的訴訟程序或法庭判決中披露有關信息。

三、 第一款和第二款的規定在任何情況下不應被理解為協議一方有以下義務：

（一） 採取與該協議一方或協議另一方的法律和行政慣例相違背的行政　措施；

（二） 提供按照該協議一方或協議另一方的法律或正常行政渠道不能得到的信息；

（三） 提供泄露任何貿易、經營、工業、商業或專業秘密或貿易過程的信息或者泄露會違反公共政策的信息。

四、 如果協議一方根據本條請求信息，協議另一方應使用其信息收集手段取得所請求的信息，即使協議另一方可能並不因其稅務目的需要該信息。前句所確定的義務受第三款的限制，但是這些限制在任何情況下不應理解為允許協議一方僅因該信息沒有內部利益而拒絕提供。

五、 本條第三款的規定在任何情況下不應理解為允許協議一方僅因信息由銀行、其他金融機構、被指定人、代理人或受託人所持有，或因信息與人的所有權益有關，而拒絕提供。

## 第二十六
## 政府代表團成員

本協定應不影響政府代表團（包括領館）成員根據國際法一般規則或特別協定規定享有的稅務特權。

## 第二十七條
## 生效

一、 協議任何一方在各自完成使本協定生效所需的法律程序後，應以書面通知對方。本協定自接獲最後一方的通知發出之日起生效。

二、 本協定將適用於：

（一）就來源預提稅收方面，對在本協定生效的曆年次年一月一日或之後及在隨後的曆年產生的稅額具有效力；及

（二）就其他稅收方面，對在本協定生效的曆年次年一月一日或之後及在隨後曆年有關所得、利潤或收益而產生的稅收具有效力。

## 第二十八條
## 終止

本協定應繼續有效，直到被協議一方終止。但協議任何一方可以在本協定生效之日起滿五年後開始任何歷年結束前至少六個月，書面終止通知對方終止本協定。在這種情況下，本協定在協議雙方將不再具有效力：

（一）就來源預提稅收方面，對在本協定已收到終止通知的曆年次年一月一日或之後及在隨後的曆年產生的稅額；及

（二）就其他稅收方面，對在本協定已收到終止通知的曆年次年一月一日或之後及在隨後的曆年有關所得、利潤或收益而產生的稅收。

協議雙方政府分別授權代表在本協定上簽字為證。

本協定於2018年4月16日在澳門簽訂，一式兩份，每份都用越南文、中文、葡萄牙文和英文寫成，四種文本同等作准。

如對文本的解釋發生分歧，以英文本為準。

| 越南<br>社會主義共和國政府代表 | 中華人民共和國<br>澳門特別行政區政府<br>代表 |
| --- | --- |
| Do Hoang Anh Tuan<br>財政部副部長 | 梁維特<br>經濟財政司司長 |

# ACORDO

# ENTRE

# O GOVERNO DA REPÚBLICA SOCIALISTA DO VIETNAME

# E

# O GOVERNO DA REGIÃO ADMINISTRATIVA ESPECIAL DE MACAU DA REPÚBLICA POPULAR DA CHINA

# PARA

# EVITAR A DUPLA TRIBUTAÇÃO

# E

# PREVENIR A EVASÃO FISCAL

# EM MATÉRIA DE IMPOSTOS SOBRE O RENDIMENTO

**O Governo da República Socialista do Vietname e o Governo da Região Administrativa Especial de Macau da República Popular da China,**

Desejando celebrar um Acordo com vista a evitar a dupla tributação e prevenir a evasão fiscal em matéria de impostos sobre o rendimento e promover a cooperação económica,

Acordaram no seguinte:

## ARTIGO 1.º
## PESSOAS VISADAS

O presente Acordo aplica-se às pessoas residentes de uma ou de ambas as Partes Contratantes.

## ARTIGO 2.º
## IMPOSTOS VISADOS

1. O presente Acordo aplica-se aos impostos sobre o rendimento exigidos em benefício de uma Parte Contratante ou suas autarquias locais, seja qual for o sistema usado para a sua cobrança.

2. São considerados impostos sobre o rendimento todos os impostos incidentes sobre o rendimento total, ou sobre parcelas do rendimento, incluindo os impostos sobre os ganhos derivados da alienação de bens mobiliários ou imobiliários, os impostos sobre o montante global dos vencimentos ou salários pagos pelas empresas, bem como os impostos sobre as mais-valias.

3. Os impostos actuais a que o Acordo se aplica são, nomeadamente:

   a) No Vietname:
      (i) O imposto sobre o rendimento das pessoas singulares; e
      (ii) O imposto sobre os rendimentos empresariais;
      (doravante denominados como "imposto do Vietname"); e

   b) Em Macau:
      (i) O Imposto Complementar de Rendimentos;
      (ii) O Imposto Profissional; e
      (iii) A Contribuição Predial Urbana;
      (doravante denominados como "imposto de Macau").

4. O Acordo será também aplicável aos impostos de natureza idêntica ou substancialmente similar que entrem em vigor posteriormente à data da assinatura do presente Acordo e que venham a acrescer aos actuais ou a substituí-los. As autoridades competentes das Partes Contratantes comunicarão uma à outra as modificações substanciais introduzidas nas respectivas legislações fiscais.

## ARTIGO 3.º
## DEFINIÇÕES GERAIS

1. Para efeitos do presente Acordo, a não ser que o contexto exija interpretação diferente:

a) O termo "Vietname" significa a República Socialista do Vietname; quando usado em sentido geográfico, significa o seu território terrestre, ilhas, águas interiores, mar territorial e espaço aéreo sobre os mesmos, as áreas marítimas fora do mar territorial, incluindo o seu leito do mar e o seu subsolo, onde a República Socialista do Vietname exerça soberania, direitos de soberania e jurisdição em conformidade com o direito nacional e o direito internacional;

b) O termo "Macau" significa a Região Administrativa Especial de Macau da República Popular da China; em sentido geográfico, compreende a Península de Macau e as ilhas de Taipa e de Coloane;

c) As expressões "uma Parte Contratante" e "a outra Parte Contratante", designam, o Vietname ou Macau, consoante resulte do contexto;

d) O termo "pessoa" compreende uma pessoa singular, uma sociedade e qualquer outro agrupamento de pessoas;

e) O termo "sociedade" significa qualquer pessoa colectiva ou qualquer entidade tratada como pessoa colectiva para fins tributários;

f) As expressões "empresa de uma Parte Contratante" e "empresa da outra Parte Contratante" significam, respectivamente, uma empresa explorada por um residente de uma Parte Contratante e uma empresa explorada por um residente da outra Parte Contratante;

g) O termo "nacional do Vietname", significa:
   (i) Qualquer pessoa singular que tenha a nacionalidade do Vietname; e
   (ii) Qualquer pessoa colectiva, sociedade de pessoas e associação constituída de harmonia com a legislação em vigor no Vietname;

h) A expressão "autoridade competente" significa:

(i) No caso do Vietname: o Ministro das Finanças da República Socialista do Vietname ou o seu representante autorizado; e

(ii) No caso de Macau: o Chefe do Executivo da Região Administrativa Especial de Macau da República Popular da China ou o seu representante autorizado;

i) A expressão "tráfego internacional" significa qualquer transporte por navio ou aeronave explorados por uma empresa residente de uma Parte Contratante, excepto se o navio ou aeronave forem explorados somente entre lugares situados na outra Parte Contratante;

2. No que se refere à aplicação do Acordo, num dado momento, por uma Parte Contratante, qualquer expressão aí não definida terá, a não ser que o contexto exija interpretação diferente, o significado que lhe for atribuído nesse momento pela legislação dessa Parte que regula os impostos a que o Acordo se aplica, prevalecendo a interpretação resultante desta legislação fiscal sobre a que decorra de outra legislação desta Parte Contratante.

## ARTIGO 4.º
## RESIDENTE

1. Para efeitos do presente Acordo, a expressão "residente de uma Parte Contratante" significa qualquer pessoa que, por virtude da legislação dessa Parte Contratante, está aí sujeita a imposto devido ao seu domicílio, à sua residência, ao local de registo, local de constituição, local dedirecção ou a qualquer outro critério de natureza similar. Todavia, esta expressão não inclui qualquer pessoa que esteja sujeita a imposto nessa Parte apenas em relação ao rendimento de fontes localizadas nessa Parte.

2. Quando em virtude do disposto no número 1, uma pessoa singular for residente de ambas as Partes Contratantes, a situação será resolvida como se segue:

   a) Será considerada residente apenas da Parte em que tenha uma habitação permanente à sua disposição. Se tiver uma habitação permanente à sua disposição em ambas as Partes, será considerada residente apenas da Parte com a qual sejam mais estreitas as suas relações pessoais e económicas (centro de interesses vitais);

   b) Se a Parte em que tem o centro de interesses vitais não puder ser determinada ou se não tiver uma habitação permanente à sua disposição em nenhuma das Partes, será considerada residente apenas da Parte em que permaneça habitualmente;

   c) Se permanecer habitualmente em ambas as Partes ou se não permanecer habitualmente em nenhuma delas, as autoridades competentes das Partes Contratantes resolverão o caso por mútuo acordo.

3. Quando, em virtude do disposto no número 1, uma pessoa, que não seja uma pessoa singular, for residente de ambas as Partes Contratantes, será considerada como residente de uma Parte Contratante para efeitos do presente Acordo, mediante mútuo acordo.

## ARTIGO 5.º
## ESTABELECIMENTO ESTÁVEL

1. Para efeitos do presente Acordo, a expressão "estabelecimento estável" significa uma instalação fixa, através da qual a empresa exerça toda ou parte da sua actividade.

2. A expressão "estabelecimento estável" compreende, nomeadamente:
   a) Um local de direcção;
   b) Uma sucursal;
   c) Um escritório;
   d) Uma fábrica;
   e) Uma oficina;
   f) Um armazém, relativamente a uma pessoa que forneça instalações de armazenagem para outros;
   g) Uma mina, um poço de petróleo ou gás, uma pedreira ou qualquer local de extracção de recursos naturais; e
   h) Uma estrutura de instalação ou equipamento usado para a prospecção e exploração de recursos naturais.

3. A expressão "estabelecimento estável" compreende igualmente:
   a) Um estaleiro de construção, um projecto de construção, de montagem ou de instalação, ou as actividades de supervisão conexas, mas apenas se a sua duração exceder seis meses;
   b) A prestação de serviços por uma empresa de uma Parte Contratante, incluindo serviços de consultoria, através dos seus empregados ou de outro pessoal contratado pela empresa para esse efeito, mas apenas se tais actividades forem exercidas de forma contínua num Estado Contratante (relativamente ao mesmo projecto ou a um projecto conexo) durante um período ou períodos que, no total, excedam 183 dias, em qualquer período de 12 meses.

4. Não obstante as disposições anteriores do presente Artigo, a expressão "estabelecimento estável" não compreende:
   a) As instalações utilizadas unicamente para armazenar ou expor bens ou mercadorias pertencentes à empresa;
   b) Um depósito de bens ou mercadorias pertencentes à empresa, mantido unicamente para os armazenar ou expor;

c) Um depósito de bens ou mercadorias pertencentes à empresa, mantido unicamente para serem transformados por outra empresa;

d) Uma instalação fixa mantida unicamente para comprar bens ou mercadorias ou reunir informações para a empresa;

e) Uma instalação fixa mantida unicamente para exercer, para a empresa, qualquer outra actividade de carácter preparatório ou auxiliar;

f) Uma instalação fixa mantida unicamente para o exercício de qualquer combinação das actividades referidas nas alíneas a) a e), desde que a actividade de conjunto da instalação fixa resultante desta combinação seja de carácter preparatório ou auxiliar.

5. Não obstante o disposto nos números 1 e 2, quando uma pessoa – que não seja um agente independente, a que é aplicável o número 6 – actue numa Parte Contratante por conta de uma empresa da outra Parte Contratante, considera-se que esta empresa tem um estabelecimento estável na primeira Parte Contratante mencionada, relativamente a quaisquer actividades que essa pessoa exerça para a empresa, se essa pessoa:

a) Tiver e exercer habitualmente nessa Parte poderes para celebrar contratos em nome da empresa, a não ser que as actividades dessa pessoa se limitem às referidas no número 4, as quais, se fossem exercidas através de uma instalação fixa, não permitiriam considerar essa instalação fixa como um estabelecimento estável, de acordo com o disposto nesse número; ou

b) Não tiver esses poderes, mas mantiver habitualmente na primeira Parte mencionada um depósito de bens ou de mercadorias que utiliza para efectuar regularmente entregas de bens ou de mercadorias por conta da empresa.

6. Não se considera que uma empresa de uma Parte Contratante tem um estabelecimento estável na outra Parte Contratante pelo simples facto de exercer a sua actividade nessa outra Parte Contratante por intermédio de um corretor, de um comissário-geral ou de qualquer outro agente independente, desde que essas pessoas actuem no âmbito normal da sua actividade. Contudo, quando as actividades desse agente forem exercidas, exclusiva ou quase exclusivamente, por conta dessa empresa e forem estabelecidas ou impostas condições entre essa empresa e o agente, nas suas relações comerciais e financeiras, que divirjam das que seriam estabelecidas entre empresas independentes, não se considera que esse agente seja um agente independente

tal como o presente número o define.

7. O facto de uma sociedade residente de uma Parte Contratante controlar ou ser controlada por uma sociedade residente da outra Parte Contratante ou que exerce a sua actividade nessa outra Parte Contratante (quer seja através de um estabelecimento estável, quer de outro modo) não é, por si, bastante para fazer de qualquer dessas sociedades um estabelecimento estável da outra.

## ARTIGO 6.º
## RENDIMENTOS DOS BENS IMOBILIÁRIOS

1. Os rendimentos que um residente de uma Parte Contratante aufira de bens imobiliários (incluídos os rendimentos das explorações agrícolas ou florestais) situados na outra Parte Contratante podem ser tributados nessa outra Parte Contratante.

2. A expressão "bens imobiliários" terá o significado que lhe for atribuído pelo direito da Parte Contratante em que tais bens estiverem situados. A expressão compreende sempre os acessórios, o gado e o equipamento das explorações agrícolas e florestais, os direitos a que se apliquem as disposições do direito privado relativas à propriedade de bens imóveis, o usufruto de bens imobiliários e os direitos a retribuições variáveis ou fixas pela exploração ou pela concessão da exploração de jazigos minerais, fontes e outros recursos naturais; os navios e aeronaves não são considerados bens imobiliários.

3. A disposição do número 1 aplica-se aos rendimentos derivados da utilização directa, do arrendamento ou de qualquer outra forma de utilização dos bens imobiliários.

4. O disposto nos números 1 e 3 aplica-se igualmente aos rendimentos provenientes dos bens imobiliários de uma empresa e aos rendimentos dos bens imobiliários utilizados para o exercício de profissões independentes.

## ARTIGO 7.º
## LUCROS DAS EMPRESAS

1. Os lucros de uma empresa de uma Parte Contratante só podem ser tributados nessa Parte, a não ser que a empresa exerça a sua actividade na outra Parte Contratante por meio de um estabelecimento estável aí situado. Se a empresa exercer a sua actividade deste modo, os seus lucros podem ser tributados na outra Parte Contratante, mas unicamente na medida em que sejam imputáveis:
   (a) a esse estabelecimento estável;
   (b) a vendas nessa outra Parte Contratante de bens e mercadorias de carácter idêntico ou similar as vendidas através desse estabelecimento estável; ou
   (c) a outras actividades empresariais realizadas nessa outra Parte Contratante que sejam de carácter idêntico ou similar as realizadas através desse estabelecimento estável.

   Não obstante (b) e (c) não serão aplicáveis quando a empresa demonstre que as vendas ou actividades empresariais não foram realizadas tendo em vista a obtenção dos benefícios do Acordo.

2. Com ressalva do disposto no número 3, quando uma empresa de uma Parte Contratante exercer a sua actividade na outra Parte Contratante por meio de um estabelecimento estável aí situado, serão imputados, em cada Parte Contratante, a esse estabelecimento estável os lucros que este obteria se fosse uma empresa distinta e separada que exercesse as mesmas actividades ou actividades similares, nas mesmas condições ou em condições similares, e tratasse com absoluta independência com a empresa de que é estabelecimento estável.

3. Na determinação do lucro de um estabelecimento estável, é permitido deduzir os encargos suportados para o exercício da actividade desse estabelecimento estável, incluindo os encargos de direcção e os encargos gerais de administração, suportados com o fim referido, quer na Parte em que esse estabelecimento estável estiver situado quer fora dele. No entanto, não será permitida qualquer dedução relativamente às importâncias, se as houver, pagas (excepto como reembolso de encargos efectivamente suportados) pelo estabelecimento estável à sede da empresa ou a qualquer dos seus outros estabelecimentos estáveis, a título de *royalties*, honorários ou outros pagamentos similares como contrapartida pela utilização de patentes ou outros direitos, ou a título de comissões pela prestação de serviços específicos ou

serviços de gestão ou, salvo no caso de uma empresa bancária, a título de juros por empréstimos concedidos ao estabelecimento estável. De igual modo, na determinação do lucro de um estabelecimento estável, não serão consideradas as importâncias facturadas (salvo como reembolso de encargos efectivamente suportados) pelo estabelecimento estável à sede da empresa ou a qualquer dos seus outros estabelecimentos estáveis, a título de *royalties*, honorários ou outros pagamentos similares como contrapartida pela utilização de patentes ou outros direitos, ou a título de comissões pela prestação de serviços específicos ou serviços de gestão ou, salvo no caso de uma empresa bancária, a título de juros por empréstimos concedidos à sede da empresa ou a qualquer dos seus outros estabelecimentos estáveis.

4. Se for usual numa Parte Contratante determinar os lucros imputáveis a um estabelecimento estável com base numa repartição dos lucros totais da empresa entre as suas diversas partes, a disposição do número 2 não impedirá essa Parte Contratante de determinar os lucros tributáveis de acordo com a repartição usual; o método de repartição adoptado deve, no entanto, conduzir a um resultado conforme com os princípios enunciados neste Artigo.

5. Para efeitos dos números precedentes, os lucros a imputar ao estabelecimento estável, serão calculados, em cada ano, segundo o mesmo método, a não ser que existam motivos válidos e suficientes para proceder de forma diferente.

6. Quando os lucros compreendam elementos do rendimento especialmente tratados noutros Artigos do presente Acordo, as respectivas disposições não serão afectadas pelas disposições deste Artigo.

## ARTIGO 8.º
## NAVEGAÇÃO MARÍTIMA E AÉREA

1. Os lucros de uma empresa residente de uma Parte Contratante provenientes da exploração de navios ou de aeronaves no tráfego internacional só podem ser tributados nessa Parte.

2. O disposto no número 1 é aplicável igualmente aos lucros provenientes da participação num *pool*, numa exploração em comum ou num organismo internacional de exploração.

## ARTIGO 9.º
## EMPRESAS ASSOCIADAS

1. Quando:

   a) Uma empresa de uma Parte Contratante participar, directa ou indirectamente, na direcção, no controle ou no capital de uma empresa da outra Parte Contratante; ou

   b) As mesmas pessoas participarem, directa ou indirectamente, na direcção, no controle ou no capital de uma empresa de uma Parte Contratante e de uma empresa da outra Parte Contratante,

   e em ambos os casos, as duas empresas, nas suas relações comerciais ou financeiras, estiverem ligadas por condições aceites ou impostas que defiram das que seriam estabelecidas entre empresas independentes, quaisquer lucros que, se não existissem essas condições, teriam sido obtidos por uma das empresas, mas não foram por causa dessas condições, podem ser incluídos nos lucros dessa empresa e tributados em conformidade.

2. Quando uma Parte Contratante inclua nos lucros de uma empresa dessa Parte – e tributar nessa conformidade – os lucros pelos quais uma empresa da outra Parte Contratante foi tributada nessa outra Parte, e os lucros incluídos deste modo constituam lucros que teriam sido obtidos pela empresa da primeira Parte mencionada, se as condições acordadas entre as duas empresas tivessem sido as condições que teriam sido estabelecidas entre empresas independentes, a outra Parte procederá ao ajustamento adequado do montante do imposto aí cobrado sobre os lucros referidos. Na determinação deste ajustamento, serão tomadas em consideração as outras disposições do presente Acordo e as autoridades competentes das Partes Contratantes consultar-se-ão, se necessário.

## ARTIGO 10.º
## DIVIDENDOS

1. Os dividendos pagos por uma sociedade residente de uma Parte Contratante a um residente da outra Parte Contratante podem ser tributados nessa outra Parte Contratante.

2. No entanto esses dividendos podem ser igualmente ser tributados na Parte Contratante de que é residente a sociedade que paga os dividendos e de acordo com a legislação dessa Parte mas, se o beneficiário efectivo dos dividendos for um residente na outra Parte Contratante, o imposto assim estabelecido não excederá 10% do montante bruto dos dividendos.

   Este número não afecta a tributação da sociedade pelos lucros dos quais os dividendos são pagos.

3. O termo "dividendos", usado neste artigo, significa os rendimentos provenientes de acções, partes de minas, partes de fundadores ou outros direitos, com excepção dos créditos, que permitam participar nos lucros, assim como os rendimentos derivados de outras partes sociais sujeitas ao mesmo regime fiscal que os rendimentos de acções pela legislação da Parte de que é residente a sociedade que os distribui.

4. O disposto nos números 1 e 2 não é aplicável se o beneficiário efectivo dos dividendos, residente de uma Parte Contratante, exercer actividade na outra Parte Contratante de que é residente a sociedade que paga os dividendos, por meio de um estabelecimento estável aí situado, ou exercer nessa outra Parte Contratante uma profissão independente, através de uma instalação fixa aí situada, e a participação relativamente a qual os dividendos são pagos estiver efectivamente ligada a esse estabelecimento estável ou a essa instalação fixa. Neste caso, são aplicáveis as disposições do Artigo 7.º ou do Artigo 14.º, consoante o caso.

5. Quando uma sociedade residente de uma Parte Contratante obtiver lucros ou rendimentos provenientes da outra Parte Contratante, esta outra Parte Contratante não poderá exigir nenhum imposto sobre os dividendos pagos pela sociedade, excepto na medida em que esses dividendos forem pagos a um residente dessa outra Parte Contratante ou na medida em que a participação

geradora dos dividendos estiver efectivamente ligada a um estabelecimento estável ou a uma instalação fixa situados nessa outra Parte Contratante, nem sujeitar os lucros não distribuídos da sociedade a um imposto sobre os lucros não distribuídos, mesmo que os dividendos pagos ou os lucros não distribuídos consistam, total ou parcialmente, em lucros ou rendimentos provenientes dessa outra Parte Contratante.

## ARTIGO 11.º
## JUROS

1. Os juros provenientes de uma Parte Contratante e pagos a um residente da outra Parte Contratante podem ser tributados nessa outra Parte Contratante.

2. No entanto, esses juros podem ser igualmente tributados na Parte Contratante de que provêm e de acordo com a legislação dessa Parte, mas se o beneficiário efectivo dos juros for um residente da outra Parte Contratante, o imposto assim estabelecido não excederá 10% do montante bruto dos juros.

3. Não obstante o disposto no número 2 do presente Artigo, os juros provenientes de uma das Partes Contratantes serão isentos de imposto nessa Parte se forem recebidos pelo Governo da outra Parte Contratante ou quaisquer outras instituições integralmente detidas pelo Governo e mutuamente reconhecidas pelas autoridades competentes de ambas as Partes.

4. O termo "juros", usado no presente Artigo, significa os rendimentos de créditos de qualquer natureza com ou sem garantia hipotecária e com direito ou não a participar nos lucros do devedor, e, nomeadamente os rendimentos da dívida pública e de outros títulos de crédito, incluindo prémios atinentes a esses títulos. Para efeitos deste Artigo, não se consideram juros as penalizações por pagamento tardio.

5. O disposto nos números 1, 2 e 3 não é aplicável se o beneficiário efectivo dos juros, residente de uma Parte Contratante, exercer actividade na outra Parte Contratante de que provêm os juros, por meio de um estabelecimento estável aí situado, ou exercer nessa outra Parte Contratante uma profissão independente, por meio de uma instalação fixa aí situada, e o crédito gerador dos juros estiver efectivamente ligado a (a) esse estabelecimento estável ou a essa instalação fixa, ou com (b) actividades empresariais referidas na alínea (c) do número 1 do Artigo 7.º. Neste caso, são aplicáveis as disposições do Artigo 7.º ou do Artigo 14.º, consoante o caso.

6. Os juros consideram-se provenientes de uma Parte Contratante quando o devedor for o próprio Governo ou um residente dessa Parte. Todavia, quando o devedor dos juros, seja ou não residente de uma Parte Contratante, tiver numa Parte Contratante um estabelecimento estável ou uma instalação fixa em

relação com os quais tenha sido contraída a obrigação pela qual os juros são pagos e esse estabelecimento estável ou essa instalação fixa suporte o pagamento desses juros, tais juros são considerados provenientes da Parte em que o estabelecimento estável ou a instalação fixa estiverem situados.

7. Quando, em virtude de relações especiais entre o devedor e o beneficiário efectivo ou entre ambos e qualquer outra pessoa, o montante dos juros, tendo em conta o crédito pelo qual são pagos, exceder o montante que seria acordado entre o devedor e o beneficiário efectivo na ausência de tais relações, as disposições deste artigo são aplicáveis apenas a este último montante. Nesse caso, a parte excedente continua a poder ser tributada de acordo com a legislação de cada Parte Contratante, tendo em conta as outras disposições do presente Acordo.

## ARTIGO 12.º
## *ROYALTIES*

1. As *royalties* provenientes de uma Parte Contratante e pagas a um residente da outra Parte Contratante podem ser tributadas nessa outra Parte Contratante.

2. No entanto, essas *royalties* podem ser igualmente tributadas na Parte Contratante de que provêm e de acordo com a legislação dessa Parte Contratante, mas se o beneficiário efectivo das *royalties* for um residente na outra Parte Contratante, o imposto assim estabelecido não excederá 10% do montante bruto das *royalties*.

3. O termo "*royalties*", usado no presente artigo, significa as retribuições de qualquer natureza pagas pelo uso ou pela concessão do uso de um direito de autor sobre uma obra literária, artística ou científica, incluindo os filmes cinematográficos, bem como filmes ou gravações para transmissão pela rádio ou televisão, de uma patente, de uma marca de fabrico ou de comércio, de um desenho ou de um modelo, de um plano, de uma fórmula ou de um processo secretos, bem como pelo uso ou pela concessão do uso de um equipamento industrial, comercial ou científico ou por informações respeitantes a uma experiência adquirida no sector industrial, comercial ou científico.

4. O disposto nos números 1 e 2 não é aplicável se o beneficiário efectivo das *royalties*, residente de uma Parte Contratante, exercer actividade na outra Parte Contratante de que provêm as *royalties*, através de um estabelecimento estável aí situado, ou exercer nessa outra Parte Contratante uma profissão independente, por meio de uma instalação fixa aí situada, e o direito ou bem gerador das *royalties* estiver efectivamente ligado a (a) esse estabelecimento estável ou a essa instalação fixa ou com (b) actividades comerciais referidas na alínea (c) do numero 1 do Artigo 7.º. Neste caso, são aplicáveis as disposições do Artigo 7.º ou do Artigo 14.º, consoante o caso.

5. As *royalties* consideram-se provenientes de uma Parte Contratante quando o devedor for o próprio Governo ou um residente dessa Parte. Todavia, quando o devedor das *royalties*, seja ou não residente de uma Parte Contratante, tiver numa Parte Contratante um estabelecimento estável ou uma instalação fixa em relação com os quais tenha sido contraída a obrigação pela qual as *royalties* são pagas, e esse estabelecimento estável ou essa instalação fixa suporte o

pagamento dessas *royalties*, tais *royalties* são consideradas provenientes da Parte em que o estabelecimento estável ou a instalação fixa estiverem situados.

6. Quando, em virtude de relações especiais existentes entre o devedor e o beneficiário efectivo ou entre ambos e qualquer outra pessoa, o montante das *royalties*, tendo em conta o uso, o direito ou as informações pelos quais são pagas, exceder o montante que seria acordado entre o devedor e o beneficiário efectivo na ausência de tais relações, as disposições do presente Artigo são aplicáveis apenas a este último montante. Nesse caso, a parte excedente continua a poder ser tributada de acordo com a legislação de cada Parte Contratante, tendo em conta as outras disposições do presente Acordo.

## ARTIGO 13.º
## MAIS-VALIAS

1. Os ganhos que um residente de uma Parte Contratante aufira da alienação de bens imobiliários referidos no Artigo 6.º e situados na outra Parte Contratante podem ser tributados nessa outra Parte.

2. Os ganhos provenientes da alienação de bens mobiliários que façam parte do activo de um estabelecimento estável que uma empresa de uma Parte Contratante tenha na outra Parte Contratante, ou de bens mobiliários afectos a uma instalação fixa que um residente de uma Parte Contratante disponha na outra Parte Contratante para o exercício de uma profissão independente, incluindo os ganhos provenientes da alienação desse estabelecimento estável (isolado ou com o conjunto da empresa) ou dessa instalação fixa, podem ser tributados nessa outra Parte.

3. Os ganhos provenientes da alienação de navios ou aeronaves explorados no tráfego internacional ou de bens mobiliários afectos à exploração desses navios ou aeronaves, só podem ser tributados na Parte Contratante de que a empresa é residente.

4. Os ganhos provenientes da alienação de acções de uma sociedade, ou de interesses de uma sociedade de pessoas, *trust* ou heranças, em que a propriedade dos mesmos consista directa ou indirectamente principalmente de bens imobiliários situados na outra Parte Contratante podem ser tributados nessa outra Parte.
   Para efeitos do presente numero, o termo "principalmente" significa, relativamente a propriedade de bens imobiliários, que o valor desses bens imobiliários excede 50% do valor total dos activos detidos pela sociedade, sociedade de pessoas, *trust* ou herança.

5. Os ganhos derivados da alienação de acções, que não acções referidas no número 4, correspondentes a pelo menos 15% da participação de uma sociedade residente numa Parte Contratante, podem ser tributados nessa Parte Contratante.

6. Os ganhos provenientes da alienação de quaisquer outros bens diferentes dos mencionados nos números 1, 2, 3, 4 e 5 só podem ser tributados na Parte

Contratante de que o alienante é residente.

## ARTIGO 14.º
## PROFISSÕES INDEPENDENTES

1. Os rendimentos obtidos por um residente de uma Parte Contratante pelo exercício de uma profissão liberal ou de outras actividades de carácter independente só podem ser tributados nessa Parte excepto nos seguintes casos em que esses rendimentos podem também ser tributados na outra Parte Contratante:

   a) Se esse residente dispuser, de forma habitual, na outra Parte Contratante, de uma instalação fixa para o exercício das suas actividades; neste caso, podem ser tributados na outra Parte Contratante, unicamente os rendimentos que forem imputáveis a essa instalação fixa; ou

   b) Se esse residente permanecer na outra Parte Contratante durante um período ou períodos que excedam, no total, 183 dias, em qualquer período de 12 meses com início ou termo no ano fiscal em causa; neste caso, só pode ser tributada na outra Parte Contratante a parcela dos rendimentos obtidos das actividades exercidas nessa outra Parte Contratante.

2. A expressão "profissões liberais" abrange, em especial, as actividades independentes de carácter científico, literário, artístico, educativo ou pedagógico, bem como as actividades independentes de médicos, advogados, engenheiros, arquitectos, dentistas e contabilistas.

## ARTIGO 15.º
## PROFISSÕES DEPENDENTES

1. Com ressalva do disposto nos Artigos 16.º, 18.º, 19.º e 20.º, os salários, vencimentos e outras remunerações similares obtidas de um emprego por um residente de uma Parte Contratante só podem ser tributados nessa Parte, a não ser que o emprego seja exercido na outra Parte Contratante. Se o emprego for aí exercido, as remunerações correspondentes podem ser tributadas nessa outra Parte Contratante.

2. Não obstante o disposto no número 1, as remunerações obtidas por um residente de uma Parte Contratante de um emprego exercido na outra Parte Contratante são tributáveis exclusivamente na Parte Contratante primeiramente mencionada se:

   a) O beneficiário permanecer na outra Parte Contratante durante um período ou períodos que não excedam, no total, 183 dias, em qualquer período de 12 meses com início ou termo no ano fiscal em causa; e

   b) As remunerações forem pagas por uma entidade patronal ou em nome de uma entidade patronal que não seja residente da outra Parte; e

   c) As remunerações não forem suportadas por um estabelecimento estável ou por uma instalação fixa que a entidade patronal tenha na outra Parte.

3. Não obstante as disposições anteriores do presente Artigo, as remunerações derivadas de um emprego exercido a bordo de um navio ou de uma aeronave explorados no tráfego internacional por uma empresa residente de uma Parte Contratante só podem ser tributadas nessa Parte.

## ARTIGO 16.º
## PERCENTAGENS DE MEMBROS DE CONSELHOS

As percentagens de membros de conselhos e outras remunerações similares obtidas por um residente de uma Parte Contratante na qualidade de membro do conselho de administração de uma sociedade residente da outra Parte Contratante podem ser tributadas nessa outra Parte Contratante.

## ARTIGO 17.º
## ARTISTAS E DESPORTISTAS

1. Não obstante o disposto nos Artigos 14.º e 15.º, os rendimentos obtidos por um residente de uma Parte Contratante na qualidade de profissional de espectáculos, tal como artista de teatro, cinema, rádio ou televisão, ou músico, bem como de desportista, provenientes das suas actividades pessoais exercidas, nessa qualidade, na outra Parte Contratante, podem ser tributados nessa outra Parte Contratante.

2. Não obstante o disposto nos Artigos 7.º, 14.º e 15.º, os rendimentos da actividade exercida pessoalmente pelos profissionais de espectáculos ou desportistas, nessa qualidade, atribuídas a uma outra pessoa, podem ser tributados na Parte Contratante em que são exercidas essas actividades dos profissionais de espectáculos ou dos desportistas.

3. Não obstante o disposto nos números 1 e 2, os rendimentos auferidos por profissionais de espectáculos ou desportistas residentes de uma Parte Contratante provenientes de actividades exercidas na outra Parte Contratante, ao abrigo de um acordo de intercâmbio cultural celebrado entre os Governos das duas Partes Contratantes, ficam isentos de imposto nessa outra Parte Contratante.

## ARTIGO 18.º
## PENSÕES E PAGAMENTOS DA SEGURANÇA SOCIAL

1. Com ressalva do disposto no número 2 do Artigo 19.º, as pensões e outras remunerações similares (incluindo montantes fixos) pagas a um residente de uma Parte Contratante, em consequência de um emprego anterior só podem ser tributadas nessa Parte.

2. Não obstante o disposto no número 1, pensões e outras remunerações similares (incluindo montantes fixos) efectuadas ao abrigo de um regime de pensões ou de reforma, que seja:
   (a) um regime publico que é parte do sistema de segurança social de uma Parte Contratante; ou
   (b) um esquema em que pessoas singulares podem participar para assegurar benefícios de reforma e que seja reconhecido para efeitos fiscais numa Parte Contratante,

   só podem ser tributados nessa Parte Contratante.

## ARTIGO 19.º
## REMUNERAÇÕES PÚBLICAS

1. a) Os salários, vencimentos e outras remunerações similares, excluindo as pensões, pagas por uma Parte Contratante ou pelo seu Governo a uma pessoa singular, em consequência de serviços prestados a essa Parte ou ao seu Governo, só podem ser tributadas nessa Parte.

   b) Contudo, os salários, vencimentos e outras remunerações similares, são tributáveis exclusivamente na outra Parte Contratante se os serviços forem prestados nessa Parte Contratante e se a pessoa singular for um residente dessa Parte Contratante que:
   (i) no caso do Vietname, seja seu nacional e no caso de Macau, seja considerado como residente nos termos da Lei Básica de Macau e; ou
   (ii) não se tenha tornado residente dessa Parte Contratante unicamente com o fim de prestar os ditos serviços.

2. a) Quaisquer pensões e outras remunerações similares (incluindo montantes fixos) pagas por uma Parte Contratante ou pelo seu Governo, quer directamente, quer através de fundos por eles constituídos, a uma pessoa singular, em consequência de serviços prestados a essa Parte ou Governo, só podem ser tributados nessa Parte;

   b) Contudo, estas pensões e outras remunerações similares (incluindo montantes fixos) são tributáveis exclusivamente na outra Parte Contratante se a pessoa singular for um residente dessa Parte Contratante, e, no caso do Vietname, seja seu nacional e, no caso de Macau, seja considerado como residente nos termos da Lei Básica de Macau.

3. O disposto nos Artigos 15.º, 16.º, 17.º e 18.º aplica-se aos salários, vencimentos, pensões e outras remunerações similares (incluindo montantes fixos) pagos em consequência de serviços prestados em conexão com uma actividade empresarial exercida por um Governo de uma Parte Contratante.

## ARTIGO 20.º
## ESTUDANTES E ESTAGIÁRIOS

As importâncias que um estudante ou um estagiário que seja, ou tenha sido, imediatamente antes da sua permanência numa Parte Contratante, residente da outro Parte Contratante, e cuja permanência na primeira Parte mencionada tenha como único fim aí prosseguir os seus estudos ou a sua formação, receba para fazer face às despesas com a sua manutenção, estudos ou formação, não serão tributadas nessa Parte, desde que provenham de fontes situadas fora dessa Parte tendo em vista a sua manutenção, educação, estudos ou formação; e

Não obstante o disposto no Artigo 15.º, as remunerações pelos serviços de um estudante ou estagiário empresarial mencionados no número anterior e obtidas numa Parte Contratante, não serão tributados nessa Parte, na medida em que tais serviços estejam relacionados com a sua educação, estudo ou formação.

## ARTIGO 21.º
## OUTROS RENDIMENTOS

1. Os elementos do rendimento de um residente de uma Parte Contratante, donde quer que provenham não tratados expressamente nos Artigos anteriores do presente Acordo só podem ser tributados nessa Parte.

2. O disposto no número 1 não se aplica aos rendimentos que não sejam rendimentos de bens imobiliários como são definidos no número 2 do artigo 6.º, se o beneficiário desses rendimentos, residente de uma Parte Contratante, exercer uma actividade empresarial na outra Parte Contratante por meio de um estabelecimento estável aí situado ou exercer nessa outra Parte Contratante uma profissão independente através de uma instalação fixa aí situada, estando o bem ou direito gerador dos rendimentos, efectivamente ligado a esse estabelecimento estável ou instalação fixa. Neste caso, são aplicáveis as disposições do Artigo 7.º ou do Artigo 14.º, consoante o caso.

3. Não obstante o disposto nos números 1 e 2, os elementos do rendimento não tratados nos artigos anteriores do presente Acordo, que sejam obtidos por um residente de uma Parte Contratante, de fontes da outra Parte Contratante, podem também ser tributados nessa outra Parte de acordo com a legislação dessa Parte.

## ARTIGO 22.º
## MÉTODOS PARA ELIMINAR A DUPLA TRIBUTAÇÃO

1. Relativamente ao Vietname a dupla tributação será eliminada do seguinte modo:

a) Quando um residente do Vietname obtiver rendimentos ou possuir bens, lucros ou ganhos que, de acordo com a legislação de Macau e com base no presente Acordo, possam ser tributados em Macau, o Vietname deduzirá do imposto sobre os rendimentos desse residente uma importância igual ao imposto pago em Macau. A importância deduzida não poderá, contudo, exceder o montante do imposto vietnamita sobre esses rendimentos, lucros ou ganhos, calculado de acordo com a legislação e a regulamentação fiscal do Vietname;

b) Quando um residente do Vietname obtiver rendimentos ou possuir bens que, de acordo com o disposto no presente Acordo, só possam ser tributados em Macau, o Vietname poderá, não obstante, ao calcular o quantitativo do imposto sobre os restantes rendimentos desse residente no Vietname, ter em conta os rendimentos isentos.

2. Relativamente a Macau, a dupla tributação será eliminada do seguinte modo:

a) Quando um residente de Macau aufere rendimentos que, nos termos do disposto no presente Acordo possam ser tributados no Vietname, esse rendimento será isento do imposto de Macau, excepto quando seja aplicável a alínea (b);

b) Quando um residente de Macau aufere rendimentos que, nos termos do disposto nos artigos 10.º, 11.º e 12.º possam ser tributados no Vietname, o montante do imposto sobre esse rendimento pago no Vietname poderá ser deduzido no imposto de Macau devido por esse residente. A importância deduzida não poderá, contudo, exceder o montante de imposto a pagar em Macau relativamente ao rendimento tributável calculado por Macau.

3. Para efeitos do presente Artigo, considera-se que o imposto sobre o rendimento pago numa Parte Contratante inclui qualquer montante que seria devido como imposto, em qualquer ano, caso não fosse aplicável uma isenção ou redução de imposto, concedida nesse ano ou em parte do mesmo, ao abrigo da aplicação do disposto na legislação dessa Parte Contratante, destinada a estender os prazos de incentivos fiscais com vista a promoção do investimento estrangeiro para fins de desenvolvimento. O disposto neste número será aplicável por um período de 10 anos a contar do dia de produção de efeitos do presente Acordo.

4. Quando uma sociedade residente de uma Parte Contratante distribui dividendos

a uma sociedade residente da outra Parte Contratante e essa ultima sociedade controla directa ou indirectamente pelo menos 10% das acções da sociedade que distribui dividendos, o crédito da sociedade residente da outra Parte inclui o imposto pago pela sociedade que distribui os dividendos relativamente aos lucros dos quais derivam esses dividendos (mas não excedendo a parcela apropriada de lucros incidentais na obtenção desses dividendos).

## ARTIGO 23.º
## NÃO DISCRIMINAÇÃO

1. As pessoas que, no caso do Vietname sejam seus nacionais ou, no caso de Macau sejam residentes (conforme definido de acordo com a sua Lei Básica ou que aí tenham sido constituídas), não ficarão sujeitos na outra Parte Contratante a nenhuma tributação ou qualquer obrigação com ela conexa diferente ou mais gravosa do que aquelas a que estejam ou possam estar sujeitos respectivamente, os nacionais do Vietname ou os residentes de Macau (conforme definido de acordo com a sua Lei Básica ou que aí tenham sido constituídos) que se encontrem nas mesmas circunstâncias, em particular no que diz respeito à residência.

2. A tributação de um estabelecimento estável que uma empresa de uma Parte Contratante tenha na outra Parte Contratante não será nessa outra Parte Contratante menos favorável do que a das empresas dessa outra Parte Contratante que exerçam as mesmas actividades.

3. Salvo se for aplicável o disposto no número 1 do Artigo 9.º, no número 7 do Artigo 11.º ou no número 6 do Artigo 12.º, os juros, as royalties e outras importâncias pagas por uma empresa de uma Parte Contratante a um residente da outra Parte Contratante serão dedutíveis, para efeitos da determinação do lucro tributável de tal empresa, nas mesmas condições, como se tivessem sido pagos a um residente da Parte primeiramente mencionada.

4. As empresas de uma Parte Contratante cujo capital, total ou parcialmente, directa ou indirectamente, seja detido ou controlado por um ou mais residentes da outra Parte Contratante não ficarão sujeitas, na Parte primeiramente mencionada, a nenhuma tributação ou obrigação com ela conexa diferente ou mais gravosa do que aquelas a que estejam ou possam estar sujeitas outras empresas similares da Parte Contratante primeiramente mencionada.

5. O presente Artigo não poderá ser interpretado no sentido de obrigar uma Parte Contratante a conceder aos residentes da outra Parte Contratante quaisquer deduções pessoais, abatimentos e reduções para efeitos fiscais atribuídos em função do estado civil ou encargos familiares concedidos aos seus próprios residentes.

6. As disposições do presente Artigo aplicar-se-ão apenas aos impostos abrangidos pelo presente Acordo.

## ARTIGO 24.º
## PROCEDIMENTO AMIGÁVEL

1. Quando uma pessoa, residente de uma Parte Contratante, considerar que as medidas tomadas pela autoridade competente de uma ou ambas as Partes Contratantes conduzem ou poderão conduzir, em relação a si, a uma tributação não conforme com o disposto no presente Acordo, poderá, independentemente dos recursos estabelecidos pela legislação interna dessas Partes, submeter o seu caso a autoridade competente da Parte Contratante de que essa pessoa é residente. O caso deverá ser apresentado dentro de três anos a contar da data da primeira comunicação da medida que der causa à tributação não conforme com o disposto no presente Acordo.

2. A autoridade competente, se a reclamação se lhe afigurar fundada e não estiver em condições de lhe dar uma solução satisfatória, esforçar-se-á por resolver a questão através de acordo amigável com a autoridade competente da outra Parte Contratante, a fim de evitar a tributação não conforme com o presente Acordo. O acordo alcançado será aplicado independentemente dos prazos estabelecidos na legislação interna das Partes Contratantes.

3. As autoridades competentes das Partes Contratantes esforçar-se-ão por resolver, através de acordo amigável, as dificuldades ou as dúvidas a que possa dar lugar a interpretação ou a aplicação do Acordo. Poderão também consultar-se mutuamente, a fim de eliminar a dupla tributação em casos não previstos pelo Acordo.

4. As autoridades competentes das Partes Contratantes poderão comunicar directamente entre si, a fim de chegarem a acordo nos termos indicados nos números anteriores.

## ARTIGO 25.º
## TROCA DE INFORMAÇÕES

1. As autoridades competentes das Partes Contratantes trocarão entre si as informações que sejam previsivelmente relevantes para a aplicação das disposições do presente Acordo ou para a administração ou a aplicação da legislação interna das Partes Contratantes relativas aos impostos de qualquer natureza ou denominação cobrados em benefício das Partes Contratantes ou dos seus Governos, na medida em que a tributação nelas prevista não seja contrária ao Acordo. A troca de informações não é restringida pelo disposto nos Artigos 1.º e 2.º.

2. As informações obtidas nos termos do número 1 por uma Parte Contratante serão consideradas confidenciais, do mesmo modo que as informações obtidas com base na legislação interna dessa Parte, e só poderão ser comunicadas às pessoas ou autoridades (incluindo tribunais e autoridades administrativas) encarregadas da liquidação ou cobrança dos impostos abrangidos no número 1, ou dos procedimentos declarativos ou executivos ou das decisões de recursos relativos a esses impostos, ou do seu controlo. Essas pessoas ou autoridades utilizarão as informações assim obtidas apenas para os fins referidos. Essas informações poderão ser reveladas no decurso de audiências públicas de tribunais ou em decisões judiciais.

3. O disposto nos números 1 e 2 não poderá em caso algum ser interpretado no sentido de impor a uma Parte Contratante a obrigação:

   a) De tomar medidas administrativas contrárias à sua legislação e à sua prática administrativa ou às da outra Parte Contratante;

   b) De fornecer informações que não possam ser obtidas com base na sua legislação ou no âmbito da sua prática administrativa normal ou das da outra Parte Contratante;

   c) De transmitir informações reveladoras de segredos ou processos comerciais, industriais ou profissionais, ou informações cuja comunicação seja contrária à ordem pública.

4. Se forem solicitadas informações por uma Parte Contratante em conformidade

com o presente Artigo, a outra Parte Contratante utilizará os poderes de que dispõe a fim de obter as informações solicitadas, mesmo que essa outra Parte não necessite de tais informações para os seus próprios fins fiscais. A obrigação constante da frase anterior está sujeita às limitações previstas no número 3, mas tais limitações não devem, em caso algum, ser interpretadas no sentido de permitir que uma Parte Contratante se recuse a prestar tais informações pelo simples facto de estas não se revestirem de interesse para si, no âmbito interno.

5. O disposto no número 3 não pode em caso algum ser interpretado no sentido de permitir que uma Parte Contratante se recuse a prestar informações unicamente porque estas são detidas por um banco, outra instituição financeira, um mandatário ou por uma pessoa agindo na qualidade de agente ou fiduciário, ou porque essas informações se referem aos direitos de propriedade de uma pessoa.

## ARTIGO 26.º
## MEMBROS DE MISSÕES GOVERNAMENTAIS

O presente Acordo não prejudicará os privilégios fiscais de que beneficiem os membros de missões Governamentais, incluindo postos consulares, em virtude de regras gerais de direito internacional ou de disposições de acordos especiais.

## ARTIGO 27.º
## ENTRADA EM VIGOR

1. Cada Parte Contratante notificará à outra por escrito a conclusão dos procedimentos que, de acordo com a sua legislação, são necessários para a entrada em vigor do presente Acordo. O presente Acordo entrará em vigor na data em que for recebida a última destas notificações.

2. O presente Acordo produzirá efeitos:

(a) Quanto aos impostos devidos na fonte, relativamente aos montantes tributáveis obtidos em ou após 1 de Janeiro do ano civil imediatamente seguinte ao da entrada em vigor do Acordo, e nos anos civis subsequentes; e

(b) Quanto aos demais impostos, relativamente aos rendimentos, lucros, ou ganhos produzidos em ou após 1 de Janeiro do ano civil imediatamente seguinte ao da entrada em vigor do Acordo, e nos anos civis subsequentes.

## ARTIGO 28.º
## DENÚNCIA

O presente Acordo permanecerá em vigor enquanto não for denunciado por uma das Partes Contratante. Qualquer das Partes Contratantes poderá denunciar o Acordo mediante notificação escrita a outra Parte Contratante com pelo menos seis meses de antecedência em relação ao fim de qualquer ano civil com início após o decurso de cinco anos a contar da data de entrada em vigor do Acordo. Nesse caso, o Acordo deixará de produzir efeitos em ambas as Partes Contratantes:

(a) Quanto aos impostos devidos na fonte, relativamente aos montantes tributáveis obtidos em ou após 1 de Janeiro do ano civil imediatamente seguinte ao da recepção do aviso de denúncia, e nos anos civis subsequentes; e

(b) Quanto aos demais impostos, relativamente aos rendimentos, lucros ou ganhos produzidos em ou após 1 de Janeiro do ano civil imediatamente seguinte ao da recepção do aviso de denúncia, e nos anos civis subsequentes;

**EM TESTEMUNHO DO QUAL**, os signatários, devidamente autorizados para o efeito assinaram o presente Acordo.

**Feito em duplicado**, em Macau, aos 16 dias do mês de Abril do ano de 2018, nas línguas vietnamita, chinesa, portuguesa e inglesa, sendo todos os textos igualmente validos. Em caso de divergência de interpretação, prevalecera o texto em inglês.

| PELO GOVERNO DA REPÚBLICA SOCIALISTA DO VIETNAME | PELO GOVERNO DA REGIÃO ADMINISTRATIVA ESPECIAL DE MACAU DA REPÚBLICA POPULAR DA CHINA |
|---|---|
| **Do Hoang Anh Tuan** | **Leong Vai Tac** |
| **Vice-Ministro do Ministério das Finanças** | **Secretário para a Economia e Finanças** |

# AGREEMENT

# BETWEEN

# THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

# AND

# THE GOVERNMENT OF THE MACAO SPECIAL ADMINISTRATIVE REGION

# OF THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA

# FOR

# THE AVOIDANCE OF DOUBLE TAXATION

# AND

# THE PREVENTION OF FISCAL EVASION

# WITH RESPECT TO TAXES

# ON INCOME

**The Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of the Macao Special Administrative Region of the People's Republic of China,**

Desiring to conclude an Agreement for the avoidance of double taxation and the prevention of fiscal evasion with respect to taxes on income and to promote economic cooperation,

Have agreed as follows:

## ARTICLE 1
## PERSONS COVERED

This Agreement shall apply to persons who are residents of one or both of the Contracting Parties.

## ARTICLE 2
## TAXES COVERED

1. This Agreement shall apply to taxes on income imposed on behalf of a Contracting Party or of its local authorities, irrespective of the manner in which they are levied.

2. There shall be regarded as taxes on income all taxes imposed on total income, or on elements of income, including taxes on gains from the alienation of movable or immovable property, taxes on the total amounts of wages or salaries paid by enterprises, as well as taxes on capital appreciation.

3. The existing taxes to which the Agreement shall apply are in particular:

   (a) in Viet Nam:

   (i) the Personal Income Tax; and

   (ii) the Business Income Tax;

   (hereinafter referred to as "Vietnamese tax"); and

   (b) in Macao:

   (i) the Complementary Tax;

   (ii) the Professional Tax; and

   (iii) the Property Tax;

   (hereinafter referred to as "Macao tax").

4. The Agreement shall also apply to any identical or substantially similar taxes that are imposed after the date of signature of this Agreement in addition to, or in place of, the existing taxes. The competent authorities of the Contracting Parties shall notify each other of significant changes which have been made in their respective taxation laws.

## ARTICLE 3
## GENERAL DEFINITIONS

1. For the purposes of this Agreement, unless the context otherwise requires:

   (a) the term "Viet Nam" means the Socialist Republic of Viet Nam; when used in a geographical sense, it means its land territory, islands, internal waters, territorial sea and airspace above them, the maritime areas beyond territorial sea including seabed and subsoil thereof over which the Socialist Republic of Viet Nam exercises sovereignty, sovereign rights and jurisdiction in accordance with national legislation and international law;

   (b) the term "Macao" means the Macao Special Administrative Region of the People's Republic of China, in a geographical sense, the peninsula of Macao and the islands of Taipa and Coloane;

   (c) the terms "a Contracting Party" and "the other Contracting Party" mean Viet Nam or Macao as the context requires;

   (d) the term "person" includes an individual, a company and any other body of persons;

   (e) the term "company" means any body corporate or any entity that is treated as a body corporate for tax purposes;

   (f) the terms "enterprise of a Contracting Party" and "enterprise of the other Contracting Party" mean respectively an enterprise carried on by a resident of a Contracting Party and an enterprise carried on by a resident of the other Contracting Party;

   (g) the term "national of Viet Nam" means:

      (i) any individual possessing the nationality of Viet Nam; and

      (ii) any legal person, partnership and association deriving their status as such from the laws in force in Viet Nam;

   (h) the term "competent authority" means:

      (i) in the case of Viet Nam, the Minister of Finance of the Socialist Republic of Viet Nam or his authorized representative; and

      (ii) in the case of Macao, the Chief Executive of the Macao Special Administrative Region of the People's Republic of China, or his authorised representative;

   (i) the term "international traffic" means any transport by a ship or aircraft operated by an enterprise which is a resident of a Contracting Party, except when the ship or aircraft is operated solely between places in the other Contracting Party.

2. As regards the application of the Agreement at any time by a Contracting Party, any term not defined therein shall, unless the context otherwise requires, have the meaning that it has at that time under the law of that Party for the purposes of the taxes to which the Agreement applies, any meaning under the applicable tax laws of that Party prevailing over a meaning given to the term under other laws of that Party.

## ARTICLE 4
## RESIDENT

1. For the purposes of this Agreement, the term "resident of a Contracting Party" means any person who, under the laws of that Party, is liable to tax therein by reason of his domicile, residence, place of registration, place of incorporation, place of management, or any other criterion of a similar nature. This term, however, does not include any person who is liable to tax in that Party in respect only of income from sources in that Party.

2. Where by reason of the provisions of paragraph 1 an individual is a resident of both Contracting Parties, then his status shall be determined as follows:

   (a) he shall be deemed to be a resident only of the Party in which he has a permanent home available to him; if he has a permanent home available to him in both Parties, he shall be deemed to be a resident only of the Party with which his personal and economic relations are closer (centre of vital interests);

   (b) if the Party in which he has his centre of vital interests cannot be determined, or if he has not a permanent home available to him in either Party, he shall be deemed to be a resident only of the Party in which he has an habitual abode;

   (c) if he has an habitual abode in both Parties or in neither of them, the competent authorities of the Contracting Parties shall settle the question by mutual agreement.

3. Where by reason of the provisions of paragraph 1 a person other than an individual is a resident of both Contracting Parties, then it shall be deemed to be a resident of a Contracting Party for the purposes of this Agreement by mutual agreement.

## ARTICLE 5
## PERMANENT ESTABLISHMENT

1. For the purposes of this Agreement, the term "permanent establishment" means a fixed place of business through which the business of an enterprise is wholly or partly carried on.

2. The term "permanent establishment" includes especially:

   (a) a place of management;

   (b) a branch;

   (c) an office;

   (d) a factory;

   (e) a workshop;

   (f) a warehouse, in relation to a person supplying storage facilities for others;

   (g) a mine, an oil or gas well, a quarry or any other place of extraction of natural resources; and

   (h) an installation structure, or equipment used for the exploration and exploitation of natural resources.

3. The term "permanent establishment" also encompasses:

   (a) a building site, construction, assembly or installation project or supervisory activities in connection therewith, but only if such site, project or activities last more than six months;

   (b) the furnishing of services, including consultancy services, by an enterprise of a Contracting Party through employees or other personnel engaged by the enterprise for such purpose, but only if activities of that nature continue (for the same or a connected project) within a Contracting Party for a period or periods aggregating more than 183 days within any twelve-month period.

4. Notwithstanding the preceding provisions of this Article, the term "permanent establishment" shall be deemed not to include:

   (a) the use of facilities solely for the purpose of storage or display of goods or merchandise belonging to the enterprise;

   (b) the maintenance of a stock of goods or merchandise belonging to the enterprise solely for the purpose of storage or display;

   (c) the maintenance of a stock of goods or merchandise belonging to the enterprise solely for the purpose of processing by another enterprise;

(d) the maintenance of a fixed place of business solely for the purpose of purchasing goods or merchandise or of collecting information for the enterprise;

(e) the maintenance of a fixed place of business solely for the purpose of carrying on, for the enterprise, any other activity of a preparatory or auxiliary character;

(f) the maintenance of a fixed place of business solely for any combination of activities mentioned in sub-paragraphs (a) to (e), provided that the overall activity of the fixed place of business resulting from this combination is of a preparatory or auxiliary character.

5. Notwithstanding the provisions of paragraphs 1 and 2, where a person - other than an agent of an independent status to whom paragraph 6 applies - is acting in a Contracting Party on behalf of an enterprise of the other Contracting Party, that enterprise shall be deemed to have a permanent establishment in the first-mentioned Contracting Party in respect of any activities which that person undertakes for the enterprise, if such a person:

(a) has and habitually exercises in that Party an authority to conclude contracts in the name of the enterprise, unless the activities of such person are limited to those mentioned in paragraph 4 which, if exercised through a fixed place of business, would not make this fixed place of business a permanent establishment under the provisions of that paragraph; or

(b) has no such authority, but habitually maintains in the first-mentioned Party a stock of goods or merchandise from which he regularly delivers goods or merchandise on behalf of the enterprise.

6. An enterprise of a Contracting Party shall not be deemed to have a permanent establishment in the other Contracting Party merely because it carries on business in that other Contracting Party through a broker, general commission agent or any other agent of an independent status, provided that such persons are acting in the ordinary course of their business. However, when the activities of such an agent are devoted wholly or almost wholly on behalf of that enterprise, and conditions are made or imposed between that enterprise and the agent in their commercial and financial relations which differ from those which would have been made between independent enterprises, he will not be considered an agent of an independent status within the meaning of this paragraph.

7. The fact that a company which is a resident of a Contracting Party controls or is controlled by a company which is a resident of the other Contracting Party, or which carries on business in that other Contracting Party (whether through a permanent establishment or otherwise), shall not of itself constitute either company a permanent establishment of the other.

## ARTICLE 6

## INCOME FROM IMMOVABLE PROPERTY

1. Income derived by a resident of a Contracting Party from immovable property (including income from agriculture or forestry) situated in the other Contracting Party may be taxed in that other Contracting Party.

2. The term "immovable property" shall have the meaning which it has under the law of the Contracting Party in which the property in question is situated. The term shall in any case include property accessory to immovable property, livestock and equipment used in agriculture and forestry, rights to which the provisions of general law respecting landed property apply, usufruct of immovable property and rights to variable or fixed payments as consideration for the working of, or the right to work, mineral deposits, sources and other natural resources; ships, boats and aircraft shall not be regarded as immovable property.

3. The provisions of paragraph 1 shall apply to income derived from the direct use, letting, or use in any other form of immovable property.

4. The provisions of paragraphs 1 and 3 shall also apply to the income from immovable property of an enterprise and to income from immovable property used for the performance of independent personal services.

## ARTICLE 7
## BUSINESS PROFITS

1. The profits of an enterprise of a Contracting Party shall be taxable only in that Party unless the enterprise carries on business in the other Contracting Party through a permanent establishment situated therein. If the enterprise carries on business as aforesaid, the profits of the enterprise may be taxed in the other Contracting Party but only so much of them as is attributable to:

   (a) that permanent establishment;

   (b) sales in that other Contracting Party of goods or merchandise of the same or similar kind as those sold through that permanent establishment; or

   (c) other business activities carried on in that other Contracting Party of the same or similar kind as those effected through that permanent establishment;

   provided that (b) or (c) shall not apply where an enterprise is able to demonstrate that the sales or business activities were carried out for reasons other than obtaining treaty benefits.

2. Subject to the provisions of paragraph 3, where an enterprise of a Contracting Party carries on business in the other Contracting Party through a permanent establishment situated therein, there shall in each Contracting Party be attributed to that permanent establishment the profits which it might be expected to make if it were a distinct and separate enterprise engaged in the same or similar activities under the same or similar conditions and dealing wholly independently with the enterprise of which it is a permanent establishment.

3. In determining the profits of a permanent establishment, there shall be allowed as deductions expenses which are incurred for the purposes of the business of the permanent establishment, including executive and general administrative expenses so incurred, whether in the Party in which the permanent establishment is situated or elsewhere. However, no such deduction shall be allowed in respect of amounts, if any, paid (otherwise than towards reimbursement of actual expenses) by the permanent establishment to the head office of the enterprise or any of its other offices, by way of royalties, fees or other similar payments in return for the use of patents or other rights, or by way of commission, for specific services performed or for management, or, except in the case of a banking enterprise, by way of interest on moneys lent to the permanent establishment. Likewise, no account shall be taken, in the determination of the profits of a permanent establishment, for amounts charged (otherwise than towards reimbursement of actual expenses), by the permanent establishment to the head office of the enterprise or any of its other offices, by way of royalties, fees or other similar payments in return for the

use of patents or other rights, or by way of commission for specific services performed or for management, or, except in the case of banking enterprise by way of interest on moneys lent to the head office of the enterprise or any of its other offices.

4. Insofar as it has been customary in a Contracting Party to determine the profits to be attributed to a permanent establishment on the basis of an apportionment of the total profits of the enterprise to its various parts, nothing in paragraph 2 shall preclude that Contracting Party from determining the profits to be taxed by such an apportionment as may be customary; the method of apportionment adopted shall, however, be such that the result shall be in accordance with the principles contained in this Article.

5. For the purposes of the preceding paragraphs, the profits to be attributed to the permanent establishment shall be determined by the same method year by year unless there is good and sufficient reason to the contrary.

6. Where profits include items of income which are dealt with separately in other Articles of this Agreement, then the provisions of those Articles shall not be affected by the provisions of this Article.

## ARTICLE 8

## SHIPPING AND AIR TRANSPORT

1. Profits of an enterprise which is a resident of a Contracting Party from the operation of ships or aircraft in international traffic shall be taxable only in that Party.

2. The provisions of paragraph 1 shall also apply to profits from the participation in a pool, a joint business or an international operating agency.

## ARTICLE 9

## ASSOCIATED ENTERPRISES

1. Where

   (a) an enterprise of a Contracting Party participates directly or indirectly in the management, control or capital of an enterprise of the other Contracting Party, or

   (b) the same persons participate directly or indirectly in the management, control or capital of an enterprise of a Contracting Party and an enterprise of the other Contracting Party,

   and in either case conditions are made or imposed between the two enterprises in their commercial or financial relations which differ from those which would be made between independent enterprises, then any profits which would, but for those conditions, have accrued to one of the enterprises, but, by the reason of those conditions, have not so accrued, may be included in the profits of that enterprise and taxed accordingly.

2. Where a Contracting Party includes in the profits of an enterprise of that Party - and taxes accordingly - profits on which an enterprise of the other Contracting Party has been charged to tax in that other Party and the profits so included are profits which would have accrued to the enterprise of the first-mentioned Party if the conditions made between the two enterprises had been those which would have been made between independent enterprises, then that other Party shall make an appropriate adjustment to the amount of the tax charged therein on those profits. In determining such adjustment, due regard shall be had to the other provisions of this Agreement and the competent authorities of the Contracting Parties shall if necessary consult each other.

## ARTICLE 10
## DIVIDENDS

1. Dividends paid by a company which is a resident of a Contracting Party to a resident of the other Contracting Party may be taxed in that other Contracting Party.

2. However such dividends may also be taxed in the Contracting Party of which the company paying the dividends is a resident and according to the laws of that Party, but if the beneficial owner of the dividends is a resident of the other Contracting Party, the tax so charged shall not exceed 10 per cent of the gross amount of the dividends.

   This paragraph shall not affect the taxation of the company in respect of the profits out of which the dividends are paid.

3. The term "dividends" as used in this Article means income from shares, mining shares, founders' shares or other rights, not being debt-claims, participating in profits, as well as income from other corporate rights which is subjected to the same taxation treatment as income from shares by the laws of the Party of which the company making the distribution is a resident.

4. The provisions of paragraphs 1 and 2 shall not apply if the beneficial owner of the dividends, being a resident of a Contracting Party, carries on business in the other Contracting Party of which the company paying the dividends is a resident through a permanent establishment situated therein, or performs in that other Contracting Party independent personal services from a fixed base situated therein, and the holding in respect of which the dividends are paid is effectively connected with such permanent establishment or fixed base. In such case the provisions of Article 7 or Article 14, as the case may be, shall apply.

5. Where a company which is a resident of a Contracting Party derives profits or income from the other Contracting Party, that other Contracting Party may not impose any tax on the dividends paid by the company, except insofar as such dividends are paid to a resident of that other Contracting Party or insofar as the holding in respect of which the dividends are paid is effectively connected with a permanent establishment or a fixed base situated in that other Contracting Party, nor subject the company's undistributed profits to a tax on the company's undistributed profits, even if the dividends paid or the undistributed profits consist wholly or partly of profits or income arising in such other Contracting Party.

## ARTICLE 11
## INTEREST

1. Interest arising in a Contracting Party and paid to a resident of the other Contracting Party may be taxed in that other Contracting Party.

2. However, such interest may also be taxed in the Contracting Party in which it arises and according to the laws of that Party, but if the beneficial owner of the interest is a resident of the other Contracting Party, the tax so charged shall not exceed 10 per cent of the gross amount of the interest.

3. Notwithstanding the provisions of paragraph 2 of this Article, interest arising in a Contracting Party is exempt from tax in that Party if it is received by the Government of the other Contracting Party or any other institutions wholly owned by the Government and mutually recognized by the competent authorities of both Parties.

4. The term "interest" as used in this Article means income from debt-claims of every kind, whether or not secured by mortgage, and whether or not carrying a right to participate in the debtor's profits, and in particular, income from government securities and income from bonds or debentures, including premiums and prizes attaching to such securities, bonds or debentures. Penalty charges for late payment shall not be regarded as interest for the purpose of this Article.

5. The provisions of paragraphs 1, 2 and 3 shall not apply if the beneficial owner of the interest, being a resident of a Contracting Party, carries on business in the other Contracting Party in which the interest arises, through a permanent establishment situated therein, or performs in that other Contracting Party independent personal services from a fixed base situated therein and the debt-claim in respect of which the interest is paid is effectively connected with (a) such permanent establishment or fixed base, or with (b) business activities referred to in subparagraph (c) of paragraph 1 of Article 7. In such case the provisions of Article 7 or Article 14, as the case may be, shall apply.

6. Interest shall be deemed to arise in a Contracting Party when the payer is the Government itself or a resident of that Party. Where, however, the person paying the interest, whether he is a resident of a Contracting Party or not, has in a Contracting Party a permanent establishment or a fixed base in connection with which the indebtedness on which the interest is paid was incurred, and such interest is borne by such permanent establishment or fixed base, then such interest shall be deemed to arise in the Party in which the permanent establishment or fixed base is situated.

7. Where, by reason of a special relationship between the payer and the beneficial owner or between both of them and some other person, the amount of the interest, having regard to the debt-claim for which it is paid, exceeds

the amount which would have been agreed upon by the payer and the beneficial owner in the absence of such relationship, the provisions of this Article shall apply only to the last-mentioned amount. In such case, the excess part of the payments shall remain taxable according to the laws of each Contracting Party, due regard being had to the other provisions of this Agreement.

## ARTICLE 12
## ROYALTIES

1. Royalties arising in a Contracting Party and paid to a resident of the other Contracting Party may be taxed in that other Contracting Party.

2. However, such royalties may also be taxed in the Contracting Party in which they arise and according to the laws of that Party, but if the beneficial owner of the royalties is a resident of the other Contracting Party, the tax so charged shall not exceed 10 per cent of the gross amount of such royalties.

3. The term "royalties" as used in this Article means payments of any kind received as a consideration for the use of, or the right to use, any copyright of literary, artistic or scientific work including cinematograph films, or films or tapes used for radio or television broadcasting, any patent, trade mark, design or model, plan, secret formula or process, or for the use of, or the right to use, industrial, commercial or scientific equipment or for information concerning industrial, commercial or scientific experience.

4. The provisions of paragraphs 1 and 2 shall not apply if the beneficial owner of the royalties, being a resident of a Contracting Party, carries on business in the other Contracting Party in which the royalties arise, through a permanent establishment situated therein, or performs in that other Contracting Party independent personal services from a fixed base situated therein, and the right or property in respect of which the royalties are paid is effectively connected with (a) such permanent establishment or fixed base or with (b) business activities referred to in subparagraph (c) of paragraph 1 of Article 7. In such case the provisions of Article 7 or Article 14, as the case may be, shall apply.

5. Royalties shall be deemed to arise in a Contracting Party when the payer is the Government itself or a resident of that Party. Where, however, the person paying the royalties, whether he is a resident of a Contracting Party or not, has in a Contracting Party a permanent establishment or fixed base in connection with which the liability to pay the royalties was incurred, and such royalties are borne by such permanent establishment or fixed base, then such royalties shall be deemed to arise in the Party in which the permanent establishment or fixed base is situated.

6. Where, by reason of a special relationship between the payer and the beneficial owner or between both of them and some other person, the amount of the royalties, having regard to the use, right or information for which they are paid, exceeds the amount which would have been agreed upon by the payer and the beneficial owner in the absence of such relationship, the provisions of this Article shall apply only to the last-mentioned amount. In such case, the excess part of the payments shall remain taxable according to the laws of each Contracting Party, due regard being had to the other provisions of this Agreement.

## ARTICLE 13

## GAINS FROM THE ALIENATION OF PROPERTY

1. Gains derived by a resident of a Contracting Party from the alienation of immovable property referred to in Article 6 and situated in the other Contracting Party may be taxed in that other Party.

2. Gains from the alienation of movable property forming part of the business property of a permanent establishment which an enterprise of a Contracting Party has in the other Contracting Party or of movable property pertaining to a fixed base available to a resident of a Contracting Party in the other Contracting Party for the purpose of performing independent personal services, including such gains from the alienation of such a permanent establishment (alone or with the whole enterprise) or of such fixed base, may be taxed in that other Party.

3. Gains from the alienation of ships or aircraft operated by an enterprise which is a resident of a Contracting Party in international traffic or movable property pertaining to the operation of such ships, aircraft, shall be taxable only in that Contracting Party.

4. Gains from the alienation of shares of the capital stock of a company, or of an interest in a partnership, trust or estate, the property of which consist directly or indirectly principally of immovable property situated in the other Contracting Party, may be taxed in that other Party.

   For the purposes of this paragraph, the term "principally" means, in relation to ownership of immovable property, the value of such immovable property exceeding 50 per cent of the aggregate value of all assets owned by the company, partnership, trust or estate.

5. Gain derived from the alienation of shares, other than the shares referred to in paragraph 4, of not less than 15 per cent of the entire shareholding of a company which is a resident of a Contracting Party may be taxed in that Contracting Party.

6. Gains from the alienation of any property other than that referred to in paragraphs 1, 2, 3, 4 and 5 shall be taxable only in the Contracting Party of which the alienator is a resident.

## ARTICLE 14

## INDEPENDENT PERSONAL SERVICES

1. Income derived by an individual who is a resident of a Contracting Party in respect of professional services or other activities of an independent character shall be taxable only in that Party except in the following circumstances, when such income may also be taxed in the other Contracting Party:

   (a) If he has a fixed base regularly available to him in the other Contracting Party for the purpose of performing his activities; in that case, only so much of the income as is attributable to that fixed base may be taxed in that other Contracting Party; or

   (b) If his stay in the other Contracting Party is for a period or periods amounting to or exceeding in the aggregate 183 days within any twelve-month period commencing or ending in the fiscal year concerned; in that case, only so much of the income as is derived from his activities performed in that other Contracting Party may be taxed in that other Contracting Party.

2. The term "professional services" includes especially independent scientific, literary, artistic, educational or teaching activities as well as the independent activities of physicians, lawyers, engineers, architects, dentists and accountants.

## ARTICLE 15

## DEPENDENT PERSONAL SERVICES

1. Subject to the provisions of Articles 16, 18, 19 and 20, salaries, wages and other similar remuneration derived by a resident of a Contracting Party in respect of an employment shall be taxable only in that Party unless the employment is exercised in the other Contracting Party. If the employment is so exercised, such remuneration as is derived therefrom may be taxed in that other Contracting Party.

2. Notwithstanding the provisions of paragraph 1, remuneration derived by a resident of a Contracting Party in respect of an employment exercised in the other Contracting Party shall be taxable only in the first-mentioned Party if:

   (a) the recipient is present in the other Contracting Party for a period or periods not exceeding in the aggregate 183 days in any twelve-month period commencing or ending in the fiscal year concerned; and

   (b) the remuneration is paid by, or on behalf of, an employer who is not a resident of the other Party; and

   (c) the remuneration is not borne by a permanent establishment or a fixed base which the employer has in the other Party.

3. Notwithstanding the preceding provisions of this Article, remuneration derived in respect of an employment exercised aboard a ship or aircraft operated in international traffic by an enterprise which is a resident of a Contracting Party shall be taxable only in that Party.

## ARTICLE 16

## DIRECTORS' FEES

Directors' fees and other similar payments derived by a resident of a Contracting Party in his capacity as a member of the Board of Directors of a company which is a resident of the other Contracting Party may be taxed in that other Contracting Party.

## ARTICLE 17

## ENTERTAINERS AND SPORTSMEN

1. Notwithstanding the provisions of Articles 14 and 15, income derived by a resident of a Contracting Party as an entertainer, such as a theater, motion picture, radio or television artiste, or a musician, or as a sportsman, from his personal activities as such exercised in the other Contracting Party, may be taxed in that other Contracting Party.

2. Where income in respect of personal activities exercised by an entertainer or a sportsman in his capacity as such accrues not to the entertainer or sportsman himself but to another person, that income may, notwithstanding the provisions of Articles 7, 14 and 15, be taxed in the Contracting Party in which the activities of the entertainer or sportsman are exercised.

3. Notwithstanding the provisions of paragraphs 1 and 2, income derived by entertainers or sportsmen who are residents of a Contracting Party from activities in the other Contracting Party under a plan of cultural exchange between the Governments of both Contracting Parties shall be exempt from tax in that other Contracting Party.

## ARTICLE 18

## PENSIONS AND SOCIAL SECURITY PAYMENTS

1. Subject to the provisions of paragraph 2 of Article 19, pensions and other similar remuneration (including lump sum payments), paid to a resident of a Contracting Party in consideration of past employment shall be taxable only in that Party.

2. Notwithstanding the provisions of paragraph 1, pensions and other payments (including lump sum payments) made under a pension or retirement scheme which is:

   (a) a public scheme which is part of the social security system of a Contracting Party; or

   (b) an arrangement in which individuals may participate to secure retirement benefits and which is recognised for tax purpose in a Contracting Party,

   shall be taxable only in that Contracting Party.

## ARTICLE 19

## GOVERNMENT SERVICE

1. (a) Salaries, wages and other similar remunerations, other than a pension, paid by a Contracting Party or the Government thereof to an individual in respect of services rendered to that Party or the Government thereof shall be taxable only in that Party.

   (b) However, such salaries, wages and other similar remunerations shall be taxable only in the other Contracting Party if the services are rendered in that Contracting Party and the individual is a resident of that Contracting Party who:

      (i) in the case of Viet Nam, is a national therein, and in the case of Macao, is treated as a resident in accordance with the Basic Law of Macao; or

      (ii) did not become a resident of that Contracting Party solely for the purpose of rendering the services.

2. (a) Any pension and other similar remuneration (including lump sum payments) paid by, or out of funds created by, a Contracting Party or the Government thereof to an individual in respect of services rendered to that Party or the Government shall be taxable only in that Party.

   (b) However, such pension and other similar remuneration, (including lump sum payments) shall be taxable only in the other Contracting Party if the individual is a resident of that other Contracting Party and in the case of Viet Nam, is a national therein, and in the case of Macao, is treated as a resident in accordance with the Basic Law of Macao.

3. The provisions of Articles 15, 16, 17, and 18 shall apply to salaries, wages, pensions and other similar remuneration (including lump sum payments) in respect of services rendered in connection with a business carried on by the Government of a Contracting Party.

## ARTICLE 20

## STUDENTS AND APPRENTICES

Payments which a student or business apprentice who is or was immediately before visiting a Contracting Party a resident of the other Contracting Party and who is present in the first-mentioned Party solely for the purpose of his education or training receives for the purpose of his maintenance, education or training shall not be taxed in that Party provided that such payment derived from sources outside for the purpose of his maintenance, education, study or training; and

Notwithstanding the provisions of Articles 15, remuneration for services rendered by a student or business apprentice mentioned in the preceding paragraph in a Contracting Party shall not be taxed in that Party, provided that such services are in connection with his education, study or training.

## ARTICLE 21
## OTHER INCOME

1. Items of income of a resident of a Contracting Party, wherever arising, not dealt with in the foregoing Articles of this Agreement shall be taxable only in that Party.

2. The provisions of paragraph 1 shall not apply to the income, other than income from immovable property as defined in paragraph 2 of Article 6, if the recipient of such income, being a resident of a Contracting Party, carries on business in the other Contracting Party through a permanent establishment situated therein, or performs in that other Party independent personal services from a fixed base situated therein, and the right or property in respect of which the income is paid is effectively connected with such permanent establishment or fixed base. In such case the provisions of Article 7 or Article 14, as the case may be, shall apply.

3. Notwithstanding the provisions of paragraphs 1 and 2, items of income of a resident not dealt with in the foregoing Articles of this Agreement derived by a resident of a Contracting Party from sources in the other Contracting Party may also be taxed in that other Party, and according to the laws of that other Party.

## ARTICLE 22

## METHODS FOR ELIMINATION OF DOUBLE TAXATION

1. In Viet Nam, double taxation shall be eliminated as follows:

   (a) Where a resident of Viet Nam derives income or owns assets, profits or gains which under the law of Macao and in accordance with this Agreement may be taxed in Macao, Viet Nam shall allow as a credit against its tax on the income an amount equal to the tax paid in Macao. The amount of credit, however, shall not exceed the amount of the Vietnamese tax on that income, profits or gains computed in accordance with the taxation laws and regulations of Viet Nam;

   (b) Where a resident of Viet Nam derives income or owns assets which in accordance with any provision of the Agreement are taxable only in Macao, Viet Nam may nevertheless, in calculating the amount of tax on the remaining income of such resident in Viet Nam, take into account the exempted income.

2. In Macao, double taxation shall be eliminated as follows:

   (a) Where the income derived by a resident of Macao shall be taxable in Viet Nam in accordance with the provisions of this Agreement, except where the provisions of paragraph (b) apply, the amount of income shall be exempted from tax in Macao;

   (b) Where the income derived by a resident of Macao shall be taxable in Viet Nam in accordance with the provisions of Articles 10, 11 and 12, the amount of tax paid in Viet Nam in respect of that income shall be allowed as a credit against Macao tax imposed on that resident. The amount of credit, however, shall not exceed the amount of Macao tax payable in respect of the taxable income computed by Macao.

3. For the purposes of this Article, the income tax paid in a Contracting Party, shall be deemed to include any amount of tax which would have been payable for any year but for an exemption from or a reduction of tax granted for that year or any part thereof as a result of the application of the provisions of the law of that Contracting Party designed to extend time limited tax incentives to promote foreign investment for development purpose. The provisions of this paragraph shall only apply for a period of 10 years from the day on which the Agreement comes into effect.

4. Where a company which is a resident of a Contracting Party pays dividends to a company which is a resident of the other Contracting Party and the latter company, directly or indirectly, controls not less than 10 per cent of the shares of the company which pays the dividends, the credit that the company which is a resident of that other Party is entitled to shall include the tax paid by the company which pays the dividends in respect of the profits from which such

dividends are derived (but not exceeding the appropriate portion of profits incidental to the derivation of such dividends).

## ARTICLE 23

## NON-DISCRIMINATION

1. Persons who are nationals of Viet Nam, or in the case of Macao are residents (as defined in accordance with its Basic Law or otherwise are incorporated or constituted therein), shall not be subjected in the other Contracting Party to any taxation or any requirement connected therewith which is other or more burdensome than the taxation and connected requirements to which nationals of Viet Nam or residents of Macao (as defined in accordance with its Basic Law or otherwise are incorporated or constituted therein) which are in the same circumstances, in particular with respect to residence, are or may be subjected.

2. The taxation on a permanent establishment which an enterprise of a Contracting Party has in the other Contracting Party shall not be less favourably levied in that other Contracting Party than the taxation levied on enterprises of that other Contracting Party carrying on the same activities.

3. Except where the provisions of paragraph 1 of Article 9, paragraph 7 of Article 11, paragraph 6 of Article 12, apply, interest, royalties, and other disbursements paid by an enterprise of a Contracting Party to a resident of the other Contracting Party shall, for the purpose of determining the taxable profits of such enterprise, be deductible under the same conditions as if they had been paid to a resident of the first-mentioned Party.

4. Enterprises of a Contracting Party, the capital of which is wholly or partly owned or controlled, directly or indirectly by one or more residents of the other Contracting Party, shall not be subjected in the first-mentioned Party to any taxation or any requirement connected therewith which is other or more burdensome than the taxation and connected requirements to which other similar enterprises of the first-mentioned Party are or may be subjected.

5. Nothing contained in this Article shall be construed as obliging either Contracting Party to grant to residents in that Party any of the personal allowances, reliefs and reductions for tax purposes due to civil obligations or family duties granted by that Party to its own residents.

6. The provisions of this Article shall apply only to the taxes covered in this Agreement.

## ARTICLE 24

## MUTUAL AGREEMENT PROCEDURE

1. Where a person who is a resident of a Contracting Parties considers that the actions of the competent authority of one or both of the Contracting Parties result or will result for him in taxation not in accordance with the provisions of this Agreement, he may, irrespective of the remedies provided by the internal law of those Parties, present his case to the competent authority of the Contracting Parties of which that person is a resident. The case must be presented within three years from the first notification of the action resulting in taxation not in accordance with the provisions of the Agreement.

2. The competent authority shall endeavour, if the objection appears to it to be justified and if it is not itself able to arrive at a satisfactory solution, to resolve the case by mutual agreement with the competent authority of the other Contracting Party, with a view to the avoidance of taxation which is not in accordance with this Agreement. Any agreement reached shall be implemented notwithstanding any time limits in the internal law of the Contracting Parties.

3. The competent authorities of the Contracting Parties shall endeavor to resolve by mutual agreement any difficulties or doubts arising as to the interpretation or application of the Agreement. They may also consult together for the elimination of double taxation in cases not provided for in the Agreement.

4. The competent authorities of the Contracting Parties may communicate with each other directly for the purpose of reaching an agreement in the sense of the preceding paragraphs.

## ARTICLE 25

## EXCHANGE OF INFORMATION

1. The competent authorities of the Contracting Parties shall exchange such information as is foreseeably relevant for carrying out the provisions of this Agreement or to the administration or enforcement of the internal laws concerning taxes of every kind and description imposed on behalf of the Contracting Parties or the Governments thereof, insofar as the taxation thereunder is not contrary to the Agreement. The exchange of information is not restricted by Articles 1 and 2.

2. Any information received under paragraph 1 by a Contracting Party shall be treated as secret in the same manner as information obtained under the internal laws of that Party and shall be disclosed only to persons or authorities (including courts and administrative bodies) concerned with the assessment or collection of, the enforcement or prosecution in respect of, the determination of appeals in relation to the taxes referred to in paragraph 1, or the oversight of the above. Such persons or authorities shall use the information only for such purposes. They may disclose the information in public court proceedings or in judicial decisions.

3. In no case shall the provisions of paragraph 1 and paragraph 2 be construed so as to impose on a Contracting Party the obligation:

   (a) to carry out administrative measures at variance with the laws and administrative practice of that or of the other Contracting Party;

   (b) to supply information which is not obtainable under the laws or in the normal course of the administration of that or of the other Contracting Party;

   (c) to supply information which would disclose any trade, business, industrial, commercial or professional secret or trade process, or information, the disclosure of which would be contrary to public policy.

4. If information is requested by a Contracting Party in accordance with this Article, the other Contracting Party shall use its information gathering measures to obtain the requested information, even though that other Party may not need such information for its own tax purposes. The obligation contained in the preceding sentence is subject to the limitations of paragraph 3 but in no case shall such limitations be construed to permit a Contracting Party to decline to supply information solely because it has no internal interest in such information.

5. In no case shall the provisions of paragraph 3 be construed to permit a Contracting Party to decline to supply information solely because the information is held by a bank, other financial institution, nominee or person

acting in an agency or a fiduciary capacity or because it relates to ownership interest in a person.

## ARTICLE 26

## MEMBERS OF GOVERNMENT MISSIONS

Nothing in this Agreement shall affect the fiscal privileges of members of Government missions, including consular posts, under the general rules of international law or under the provisions of special agreements.

## ARTICLE 27

## ENTRY INTO FORCE

1. Each Contracting Party shall notify the other in writing the completion of the procedures required by its legislation for the entry into force of this Agreement. This Agreement shall enter into force on the date received the later of these notifications.

2. This Agreement shall have effect:

   (a) in respect of taxes withheld at source, in relation to taxable amounts as derived on or after the first day of January following the calendar year in which the Agreement enters into force, and in subsequent calendar years; and

   (b) in respect of other taxes, in relation to income, profits or gains arising on or after the first day of January following the calendar year in which the Agreement enters into force, and in subsequent calendar years.

## ARTICLE 28

## TERMINATION

This Agreement shall remain in force until terminated by one of the Contracting Parties. Either Contracting Party may terminate the Agreement, by giving to the other Contracting Party, written notice of termination at least six months before the end of any calendar year beginning after the expiry of five years from the date of entry into force of the Agreement. In such event, the Agreement shall cease to have effect in both Contracting Parties:

(a) in respect of taxes withheld at source, in relation to taxable amounts as derived on or after the first day of January following the calendar year in which the notice of termination has been received, and in subsequent calendar years; and

(b) in respect of other taxes, in relation to income, profits or gains arising on or after the first day of January following the calendar year in which the notice of termination has been received, and in subsequent calendar years.

**IN WITNESS WHEREOF** the undersigned, duly authorized thereto have signed this Agreement.

**DONE** in duplicate at Macao this 16th day of April of the year two thousand and eighteen in the Vietnamese, Chinese, Portuguese and English languages, all texts being equally authentic. In case of divergence of interpretation, the English text shall prevail.

| **FOR THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM** | **FOR THE GOVERNMENT OF THE MACAO SPECIAL ADMINISTRATIVE REGION OF THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA** |
|---|---|
| **Do Hoang Anh Tuan** | **Leong Vai Tac** |
| *Vice Minister of Ministry of Finance* | *Secretary for Economy and Finance* |